

Các lĩnh vực hoạt động chính của WCS tại Việt Nam bao gồm:

1. Hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện khung chính sách, pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã
2. Thu thập, phân tích và cung cấp thông tin về các vi phạm liên quan tới động vật hoang dã cho các cơ quan thực thi pháp luật
3. Thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương nhằm đấu tranh với các đường dây tội phạm buôn bán động vật hoang dã xuyên quốc gia
4. Tăng cường năng lực thực thi pháp luật
5. Tăng cường sự tham gia của nhà báo và các cơ quan báo chí, truyền thông trong phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã
6. Nghiên cứu, giám sát dịch bệnh trên động vật hoang dã và nguy cơ lây truyền bệnh giữa người và động vật hoang dã
7. Bảo tồn loài rùa Hoàn Kiếm tại Việt Nam



**CHỈ DẪN
ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT**
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN
**ĐỘNG VẬT
HOANG DÃ**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, ĐT: 080.49221
Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctgg.vn
Website: www.nxbctgg.org.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn



MÃ ĐỊNH DANH
CUỐN SÁCH



SÁCH KHÔNG BÁN



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

CHỈ DẪN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

**CHỈ DẪN
ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT**
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Wildlife Conservation Society (WCS) hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung vào các hoạt động hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý và tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Liên hệ:

Tổ chức WCS, Chương trình Việt Nam

- * 106, nhà D, số 3 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội
- * ĐT: +84 24 3514 9750
- * Email: wcsvietnam@wcs.org
- * Website: <https://vietnam.wcs.org/>
- * Facebook: www.facebook.com/wcs.vietnam

Nguồn ảnh trang bìa:
Julie Larsen Maher/WCS; Nguyễn Văn Long/WCS;
Trần Minh Phúc/WCS; Nguyễn Văn Trường/FFI.

CHỈ DẪN
ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Cuốn sách là kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng, chống ma túy và thực thi pháp luật quốc tế (INL), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ. Nội dung tài liệu do tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS), Chương trình Việt Nam phối hợp cùng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xây dựng và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

CHỈ DẪN
ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2022

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN
TS. NGUYỄN HUY TIẾN
Phó Viện trưởng Thường trực
Viện kiểm sát nhân dân tối cao

CHỦ BIÊN
TS. HOÀNG THỊ QUỲNH CHI
Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học,
Viện kiểm sát nhân dân tối cao

THAM GIA BIÊN SOẠN

TS. NGUYỄN XUÂN HƯỞNG	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
TS. NGUYỄN XUÂN HÀ	Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. HOÀNG THÀNH NAM	Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. PHẠM THỊ THÙY LINH	Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
ThS. LẠI THỊ THU HÀ	Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

ThS. NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Phó Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-----------------------------	---

ThS. NGUYỄN THỊ TÂM	Phó Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
---------------------	---

ThS. MAI THỊ THANH THẢO	Phó Trưởng phòng, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-------------------------	---

ThS. VY QUỐC PHÁT	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-------------------	---

ThS. NGUYỄN THANH HƯỞNG	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-------------------------	---

ThS. BÙI NGUYỄN BẰNG	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
----------------------	---

CN. KIỀU THỊ HÀ	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-----------------	---

CN. LÊ THỊ LINH	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
-----------------	---

CN. ĐẶNG THỊ YẾN	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
CN. LƯƠNG THÀNH AN	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
CN. NGUYỄN TRỌNG TIẾN	Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Động vật hoang dã là tài nguyên thiên nhiên quý, góp phần quan trọng tạo nên sự cân bằng sinh thái, bảo đảm môi trường sống trong lành cho con người. Bảo vệ động vật hoang dã là trách nhiệm không chỉ của riêng một quốc gia nào, mà là yêu cầu chung cho tất cả các nước trên thế giới để hướng tới sự phát triển bền vững của nhân loại.

Hiện nay ở nước ta, tình trạng vận chuyển, buôn bán, tàng trữ và sử dụng trái phép động vật hoang dã đã và đang xảy ra ở nhiều nơi với tính chất và mức độ vi phạm ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Các hoạt động phạm pháp, nhằm cung cấp động vật hoang dã và các sản phẩm từ động vật hoang dã cho các đường dây tiêu thụ trong nước và trung chuyển ra nước ngoài diễn ra phức tạp.

Thời gian qua, với việc ký kết và trở thành thành viên của Công ước CITES (Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp) và Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được coi là công cụ pháp lý vững chắc để xử lý tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của Việt Nam trong việc trấn áp loại tội phạm này. Hằng năm có nhiều bản án dành cho tội phạm về động vật hoang dã với các mức án nghiêm khắc có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả răn đe, đấu tranh phòng ngừa với loại tội phạm này.

Nhằm góp phần trang bị kiến thức pháp luật liên quan tới các vi phạm pháp luật về động vật hoang dã, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Chỉ dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã của Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao*. Đây là kết quả nghiên cứu của Dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng, chống ma túy và thực thi pháp luật quốc tế (INL), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ, tổ chức Wildlife Conservation Society - WCS (Hiệp hội Bảo tồn động vật hoang dã, Hoa Kỳ) giám sát thực hiện. Nội dung cuốn sách phân tích và hướng dẫn cách sử dụng Bảng chỉ dẫn P2P - phương pháp mới trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã; đồng thời, giải đáp một số vướng mắc về nhận thức pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã hiện nay.

Cuốn sách là cẩm nang cần thiết cho các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, cán bộ thực thi pháp luật tham khảo trong quá trình giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã; là tài liệu bổ ích cho những nhà nghiên cứu, bạn đọc quan tâm đến vấn đề pháp lý nói chung và cách xử lý các vụ án liên quan đến động vật hoang dã ở Việt Nam nói riêng.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2022

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Tội phạm liên quan tới động vật hoang dã ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới ngày càng diễn biến phức tạp, tình hình phạm tội có tổ chức diễn ra ở nhiều nơi, nhiều vụ án có tính chất xuyên quốc gia, với những thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện hành vi phạm tội rất đa dạng, có mối liên hệ với việc thực hiện một số tội phạm khác như: các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, an toàn công cộng, trật tự công cộng,...

Thực tiễn những năm qua, các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam (Kiểm lâm, Hải quan, Quản lý thị trường,...) đã tăng cường phối hợp, kiên quyết xử lý nghiêm minh người thực hiện hành vi phạm tội; các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương cũng đã ban hành nhiều hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, trả lời thỉnh thị trong quá trình xử lý các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng thành công phương pháp “Giả định cần chứng minh” (“Point to Prove” - P2P) - với tư cách là một “công cụ phân tích vụ án” tổng thể, toàn diện đối với mọi hành vi phạm tội liên quan

đến động vật hoang dã nhằm tránh bỏ lọt tội phạm. Nội dung P2P của các nước được trình bày ngắn gọn dưới dạng bảng biểu, tiện tra cứu cho từng hành vi phạm tội hoặc nhiều hành vi phạm tội có thể bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong một vụ án liên quan đến động vật hoang dã.

Trên cơ sở đó, để góp phần tiếp tục đấu tranh phòng, chống có hiệu quả với các loại tội phạm này, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã phối hợp với Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS) xây dựng cuốn sách *Chỉ dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã*, gồm: 1) Hướng dẫn sử dụng Bảng chỉ dẫn P2P; 2) Nội dung Bảng chỉ dẫn P2P; 3) Giải đáp vướng mắc về nhận thức pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã để các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán hoặc cán bộ thực thi pháp luật khác tham khảo nhanh trong quá trình giải quyết vụ án.

Theo đó, đối với từng tội phạm cụ thể, Bảng chỉ dẫn P2P sẽ đưa ra các chỉ dẫn liên quan đến những vấn đề phải chứng minh; chứng cứ; các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong thu thập, bảo quản, xử lý vật chứng; các biện pháp trưng cầu giám định, định giá tài sản; tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế; xác định các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp xử lý tội phạm và hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội là cá nhân, pháp nhân thương mại. Đây là lần đầu tiên ở Việt Nam xây dựng chỉ dẫn

áp dụng pháp luật nói chung, chỉ dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã nói riêng theo phương pháp mới - Phương pháp P2P. Cuốn sách tập trung hướng dẫn về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234), Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm (Điều 244) của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và một số tội danh khác liên quan trực tiếp đến giải quyết các vụ án về động vật hoang dã để bảo đảm tính trọng tâm, trọng điểm và đặc thù riêng của cuốn sách. Trong giới hạn phạm vi nội dung này, chúng tôi không đề cập một số tội danh như các tội phạm tham nhũng, tội rửa tiền,... mà sẽ được nghiên cứu, xây dựng trong một tài liệu chỉ dẫn riêng.

Mục tiêu xây dựng cuốn sách *Chỉ dẫn áp dụng pháp luật trong giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã* là hướng tới việc thúc đẩy sự phối hợp tốt hơn giữa các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong bảo vệ động vật hoang dã ở Việt Nam; có ý nghĩa, vai trò là một công cụ quan trọng trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã của các cơ quan, người tiến hành tố tụng từ trung ương tới địa phương.

Cuốn sách được xây dựng trên cơ sở kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, sự đóng góp, phản biện của các Kiểm sát viên, các chuyên gia pháp luật có kinh nghiệm. Nhóm tác giả mong muốn cuốn sách sẽ được các Kiểm sát viên mới được bổ nhiệm, cũng như các Kiểm sát viên đã có kinh nghiệm

tham khảo trong quá trình trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã.

Nhóm tác giả trân trọng gửi lời cảm ơn đến Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các Kiểm sát viên, cán bộ, công chức của Viện kiểm sát các cấp, các cá nhân, tổ chức đã có những chỉ đạo, ý kiến góp ý để hoàn thiện nội dung cuốn sách; đồng thời, trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của tổ chức WCS Việt Nam trong việc xây dựng và hoàn thiện cuốn sách.

Quá trình biên soạn, do phải tổng hợp căn cứ, quy định từ nhiều văn bản quy phạm pháp luật; đưa ra nhiều giả định và tổng hợp nhiều vướng mắc của nhiều luật, bộ luật, như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và các luật, văn bản hướng dẫn khác; các vướng mắc về công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án liên quan đến động vật hoang dã... nên khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Nhóm tác giả rất mong tiếp tục nhận được sự góp ý của bạn đọc trong và ngoài ngành để cuốn sách hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc!

Hà Nội, tháng 7 năm 2022

VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
Bộ luật Hình sự	Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)
Bộ luật Tố tụng hình sự	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021)
Luật Giám định tư pháp	Luật Giám định tư pháp năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020
Loài ưu tiên	Động vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
Loài Nhóm IB, IIB	Động vật hoang dã thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB, IIB tương ứng
Loài Phụ lục I, II, III CITES	Động vật hoang dã thuộc Phụ lục I, II, III Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (tương ứng)
Nghị định số 160/2013	Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
Nghị định số 64/2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP, ngày 16/7/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Nghị định số 06/2019	Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
Nghị định số 84/2021	Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
Nghị định số 35/2019	Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp
Nghị định số 97/2019	Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP, ngày 07/3/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự
Nghị định số 07/2022	Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm định thực vật; thú ý; chăn nuôi

Nghị định số 30/2018	Nghị định số 30/2018/NĐ-CP, ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự
Nghị quyết số 05/2018	Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự
Thông tư số 29/2019/ TT-BNNPTNT	Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT, ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trình tự, thủ tục, phương thức xử lý tang vật là động vật rừng
Thông tư số 30/2020/TT-BTC	Thông tư số 30/2020/TT-BTC, ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP, ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, ngày 23/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP

Thông tư số 38/2015/TT-BTC	Thông tư số 38/2015/TT-BTC, ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
Thông tư số 39/2018/TT-BTC	Thông tư số 39/2018/TT-BTC, ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC, ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT	Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

PHẦN I

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢNG CHỈ DẪN P2P

Nội dung của Bảng chỉ dẫn P2P (Point to Prove) dẫn chiếu cụ thể các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự và văn bản hướng dẫn có thể áp dụng trong giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã. Bảng chỉ dẫn P2P bao gồm các mục: (1) Những vấn đề phải chứng minh (có nêu một số lưu ý); (2) Chứng cứ; (3) Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền; (4) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp; và (5) Hình phạt.

Cách sử dụng phương pháp tiếp cận P2P gồm có hai bước:

Bước 1: Đánh giá sơ bộ về hành vi phạm tội, xác định các tội danh có thể liên quan để nghiên cứu, phân tích.

Bước 2: Xem (tra cứu) Bảng chỉ dẫn P2P đối với mỗi tội danh. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá sơ bộ hành vi phạm tội, xác định, phân tích tổng thể các tội danh có thể liên quan nhằm giải quyết triệt để, toàn diện vụ án về động vật hoang dã

Trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã có thể có nhiều hành vi cấu thành các tội phạm khác nhau; do đó,

khi xảy ra các vụ án này cần phải phân tích, đánh giá sơ bộ để xác định hành vi vi phạm đó có thể cấu thành tội phạm nào. Sau đó tra cứu, so sánh, đối chiếu với các tội phạm tương ứng trong Bảng chỉ dẫn P2P để xác định. Ví dụ: hành vi sử dụng súng quân dụng sẵn bắt, giết động vật hoang dã thuộc Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB thì ngoài xem xét Bảng chỉ dẫn P2P về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự), cần xem xét Bảng chỉ dẫn P2P về Tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng (Điều 305 Bộ luật Hình sự). Ngoài ra, Bộ luật Hình sự quy định các điều luật có sự liên quan với nhau nên cần làm rõ các cấu thành để việc định tội danh bảo đảm sự chính xác.

2. Tra cứu Bảng chỉ dẫn P2P đối với mỗi tội danh

2.1. Về những vấn đề phải chứng minh (Mục 1)

Những vấn đề phải chứng minh có vai trò rất quan trọng trong việc xác định có tội phạm xảy ra hay không và nếu có tội phạm xảy ra, thì quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn cần thiết và các hoạt động điều tra theo tố tụng để làm rõ nội dung và các tình tiết vụ án, phục vụ truy tố và xét xử tội phạm. Đối với các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã, ngoài những vấn đề phải chứng minh của vụ án hình sự nói chung, Bảng chỉ dẫn P2P đã đưa ra những lưu ý, những vấn đề cần chứng minh mang tính đặc thù, đặc điểm riêng nhằm giúp các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tra cứu nhanh chóng, kịp thời, chính xác và thu thập

được đầy đủ, không bỏ lọt, bỏ sót những vấn đề cần phải chứng minh khi giải quyết vụ án về động vật hoang dã.

2.2. Về chứng cứ (Mục 2)

Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án (Điều 86 Bộ luật Tố tụng hình sự). Bảng chỉ dẫn P2P liệt kê một số loại chứng cứ đặc thù đối với vụ án về động vật hoang dã, giúp các cơ quan, người tiến hành tố tụng có căn cứ, tham khảo trong quá trình giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã để chứng minh tội phạm và người phạm tội.

Cần lưu ý, chứng cứ nêu tại Bảng chỉ dẫn P2P có thể nhiều hay ít hơn tùy thuộc vào tình tiết của một vụ án cụ thể.

2.3. Về các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Mục 3)

Chỉ dẫn về các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền giúp cơ quan, người tiến hành tố tụng nhanh chóng xác định được những hoạt động cần thực hiện tiếp theo trong giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã, như: cách thức, phương pháp thu thập, xử lý vật chứng; trưng cầu giám định, định giá tài sản, các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, các biện pháp điều tra... để thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh.

2.4. Về các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp (Mục 4)

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia vào giải quyết vụ án là các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tư pháp, bộ trợ tư pháp; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trưng cầu giám định, định giá tài sản,... Việc xác định các cơ quan này trong giải quyết các vụ án liên quan đến động vật hoang dã là vô cùng quan trọng nhằm xác định rõ trách nhiệm, phạm vi phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan; do đó, với mỗi tội danh cụ thể, Bảng chỉ dẫn P2P đã liệt kê các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tham gia phối hợp để giúp cơ quan, người tiến hành tố tụng triển khai việc phối hợp nhằm giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ án liên quan đến động vật hoang dã.

2.5. Về hình phạt (Mục 5)

Nội dung mục “Hình phạt” tại Bảng chỉ dẫn P2P giúp Kiểm sát viên báo cáo, đề xuất mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung áp dụng đối với người thực hiện hành vi phạm tội (hình phạt đối với cá nhân hoặc hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội).

PHẦN II

NỘI DUNG BẢNG CHỈ DẪN P2P

CÁC TỘI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

1. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự)

1.1. Những vấn đề phải chứng minh

1.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không

Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý:

Thứ nhất, xác định loài động vật hoang dã bị xâm hại.

- Các loài động vật hoang dã bị xâm hại phải thuộc Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định tại Nghị định số 84/2021; loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II CITES hoặc động vật hoang dã khác theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018, gồm các loài thuộc Phụ lục III CITES và động vật rừng thông thường theo khoản 8 Điều 3 Nghị định số 06/2019

(gồm động vật sống, cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật).

- Xác định cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 và 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018.

- Việc xác định loài động vật hoang dã, động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật phải do cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyên môn có thẩm quyền xác định.

Thứ hai, xác định hành vi phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã.

Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau:

- Săn bắt,
- Giết,
- Nuôi,
- Nhốt,
- Tàng trữ,
- Vận chuyển,
- Buôn bán đối với động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

Lưu ý:

- Hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt chỉ áp dụng với động vật sống, không áp dụng đối với bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

- Hành vi tàng trữ chỉ áp dụng với cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

- Trường hợp người có hành vi cố ý vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã thể hiện ở hành vi hủy hoại nguồn lợi thủy sản quy định tại Điều 242 Bộ luật Hình sự, thì hành vi đó không cấu thành tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã mà có thể cấu thành tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản theo Điều 242 Bộ luật Hình sự.

- Trường hợp động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES, thì hành vi không cấu thành tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo Điều 234 Bộ luật Hình sự mà cấu thành tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Thứ ba, xác định trị giá của động vật hoang dã bị xâm hại hoặc có thu lời bất chính.

- Trị giá từ 150.000.000 đồng trở lên (loài thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II CITES); hoặc trị giá từ 300.000.000 đồng trở lên (loài thuộc Phụ lục III CITES và động vật rừng thông thường). Việc xác định trị giá của động vật hoang dã do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận.

- Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên.

Thứ tư, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 2 Nghị quyết

số 05/2018 để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp trị giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật dưới mức quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự.

Thứ năm, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

- Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét các tội phạm khác ngoài tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

- Làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức phạm tội hoặc phương tiện sử dụng để phạm tội, như: sử dụng các loại vũ khí hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt, giết...

1.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội; hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại;

- Xác định hành vi phạm tội tàng trữ cá thể, bộ phận không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý;

- Xác định hành vi phạm tội có xảy ra vào thời gian bị cấm săn bắt theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

- Xác định hành vi phạm tội có xảy ra tại khu vực bị cấm săn bắt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018;

- Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

1.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý

1.2. Chứng cứ

1.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã, gồm:

- Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;
- Phương tiện dùng để săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;

- Các vật chứng khác mang dấu vết của tội phạm: điện thoại chứa tin nhắn giao dịch về động vật hoang dã, máy tính dùng để đăng bán động vật hoang dã trên mạng xã hội, thùng hàng chứa động vật hoang dã,...

1.2.2. Nguồn chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá động vật hoang dã; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

1.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

1.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản, xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106), Điều 7 Nghị quyết số 05/2018 và Điều 10 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT (thứ tự ưu tiên xử lý: khi không áp dụng được hình thức xử lý trước, thì mới được áp dụng hình thức xử lý kế tiếp sau:

- Thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên;
- Cứu hộ động vật rừng;
- Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành;
- Bán động vật rừng;
- Tiêu hủy động vật rừng.

1.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);
- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);
- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

1.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Bắt buộc phải giám định để xác định loài động vật hoang dã, động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của

động vật và động vật rừng thông thường thuộc điểm Thứ nhất mục 1.1.1 Phần này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 205 đến Điều 214), Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

1.3.4. Biện pháp định giá tài sản

Định giá để xác định trị giá của động vật hoang dã, động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật và động vật rừng thông thường thuộc điểm Thứ nhất mục 1.1.1 Phần này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Điều 1 và Điều 3 Nghị định số 97/2019 và Thông tư số 30/2020/TT-BTC.

1.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

1.3.6. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);

- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123); - Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124). 1.3.7. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự - Áp giải, dẫn giải (Điều 127); - Kê biên tài sản (Điều 128); - Phong tỏa tài khoản (Điều 129).
1.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.
1.5. Hình phạt 1.5.1. Đối với cá nhân (1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Trị giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật Nhóm IIB Phụ lục I Nghị định số 84/2021 hoặc Phụ lục II CITES từ 150.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác từ 300.000.000 đồng đến dưới 700.000.000 đồng; b) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

c) Hành vi vi phạm dưới các mức quy định tối thiểu nêu trên nhưng đã bị xử lý vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 234 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm (xem điểm Thứ tư, mục 1.1.1).

(2) Khoản 2: Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tổ chức: “Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm” (khoản 2 Điều 17 Bộ luật Hình sự), “cấu kết chặt chẽ” thể hiện mức độ liên kết cả về mặt chủ quan và mặt khách quan. Về mặt chủ quan, những người đồng phạm có sự bàn bạc, tính toán, phân công lên kế hoạch thực hiện và chuẩn bị kỹ càng cho việc phạm tội...; về mặt khách quan, những người đồng phạm có sự phân công, chuẩn bị kỹ càng và tham gia thực hiện tội phạm hoặc che giấu tội phạm theo kế hoạch đã bàn bạc kỹ lưỡng từ trước;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự (khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018);

c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: là trường hợp người phạm tội thông qua cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên (không có chức vụ, quyền hạn) để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự;

d) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm: là sử dụng các loại vũ khí, tên tẩm thuốc độc, chất nổ, chất độc, đào hầm, hố, cắm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy cắm chông, bẫy gài lao, bẫy điện, bẫy sập, khúc gỗ lớn, răng sắt lớn hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt (khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018);

đ) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm: Săn bắt trong khu vực bị cấm là săn bắt động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm trong khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan hoặc săn bắt trong các khu vực khác có quy định cấm theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018); săn bắt vào thời gian bị cấm là săn bắt động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư của chúng. Việc xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018);

e) Vận chuyển, buôn bán qua biên giới: là đã hoặc đang đưa động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại. Cũng được coi là buôn bán, vận chuyển qua biên giới nếu đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật

hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng (khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018);

g) Trị giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật Nhóm IIB Nghị định số 84/2021 hoặc Phụ lục II CITES từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng hoặc của động vật hoang dã khác từ 700.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

h) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

i) Tái phạm nguy hiểm (khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự): đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

(3) Khoản 3: Phạt tù từ 07 năm đến 12 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trị giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật Nhóm IIB theo Nghị định số 84/2021 hoặc Phụ lục II CITES từ 1.000.000.000 đồng trở lên hoặc của động vật hoang dã khác từ 1.500.000.000 đồng trở lên;

b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.

(4) Khoản 4 (Hình phạt bổ sung): Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng,

cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 1.5.2. Đối với pháp nhân thương mại (khoản 5) a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều 234 Bộ luật Hình sự (tương ứng điểm a, d, đ, e, g, h và i thuộc tiểu mục (2) mục 1.5.1. Phần này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 234 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; d) Các hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm; hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 79 Bộ luật Hình sự.	
Tội danh	- Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 234 Bộ luật Hình sự.

Chi tiết hành vi phạm tội	- (Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán) trái phép động vật hoang dã (nêu rõ tên loài, bộ phận, sản phẩm... thuộc Nhóm/Phụ lục/Động vật rừng thông thường và trị giá).
---------------------------	--

2. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự)

2.1. Những vấn đề phải chứng minh 2.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định loài động vật bị xâm hại. - Động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. - Động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB Nghị định số 84/2021; động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I CITES. - Xác định cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018. - Việc xác định loài động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyên môn có thẩm quyền xác định.	
--	--

Thứ hai, xác định hành vi phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau đây:

(1) Đối với động vật sống thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ:

- Săn bắt,
- Giết,
- Nuôi,
- Nhốt,
- Vận chuyển,
- Buôn bán.

(2) Đối với cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật:

- Tàng trữ,
- Vận chuyển,
- Buôn bán.

Lưu ý:

- Hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt chỉ áp dụng đối với động vật, cá thể sống thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; không áp dụng đối với bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật; ngà voi, sừng tê giác;

- Hành vi tàng trữ chỉ áp dụng với cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;

- Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự hoặc ngà voi có khối lượng từ 02 kg trở lên; sừng tê giác có khối lượng từ 50 gam trở lên;

- Số lượng cá thể động vật không thuộc loài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự là từ 03 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể lớp chim, bò sát; từ 10 cá thể lớp khác trở lên;

- Số lượng cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

- Số lượng động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Thứ ba, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp trị giá động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật dưới mức quy định tại điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Thứ tư, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

- Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội phạm liên quan đến động vật hoang dã;

- Làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức phạm tội hoặc phương tiện sử dụng để phạm tội, như: sử dụng các loại vũ khí hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt, giết...

2.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội, hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại;

- Xác định hành vi phạm tội tàng trữ cá thể, bộ phận không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý;

- Xác định hành vi phạm tội có xảy ra vào thời gian bị cấm săn bắt theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

- Xác định hành vi phạm tội có xảy ra tại khu vực bị cấm săn bắt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018;

- Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

2.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

2.2. Chứng cứ

2.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật, gồm:

- Động vật, cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật; ngà voi, sừng tê giác;

- Phương tiện dùng để săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, tàng trữ, buôn bán động vật, cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;

- Các vật chứng khác mang dấu vết của tội phạm: điện thoại chứa tin nhắn giao dịch về động vật, máy tính dùng để đăng bán động vật trên mạng xã hội, thùng hàng chứa động vật,...

2.2.2. Nguồn chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá động vật; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

2.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

2.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật rừng

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106), Điều 7 Nghị quyết số 05/2018 và Điều 10 Thông tư số 29/2019 (thứ tự ưu tiên xử lý: khi không áp dụng được hình thức xử lý trước, thì mới được áp dụng hình thức xử lý kế tiếp sau:

- Thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên;

- Cứu hộ động vật rừng;

- Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành;

- Bán động vật rừng;

- Tiêu hủy động vật rừng.

2.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);

- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

2.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Bắt buộc phải giám định để xác định động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc điểm Thứ nhất mục 2.1.1 Phần này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 205 đến Điều 214), Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

2.3.4. Biện pháp định giá tài sản

Định giá để xác định trị giá của động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc điểm Thứ nhất mục 2.1.1 Phần này theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Nghị định số 97/2019 (Điều 1 và Điều 3) và Thông tư số 30/2020/TT-BTC.

Lưu ý: Tội này không cần phải định giá sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm. Trường hợp có hành vi chiếm đoạt động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm thì khi đó mới cần định giá để xử lý về tội phạm tương ứng.

2.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

2.3.6. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);

- Bắt (Điều 111 và Điều 113);

- Tạm giữ (Điều 117);

- Tạm giam (Điều 119);

- Bảo lĩnh (Điều 121);

- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);

- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);

- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

2.3.7. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);

- Kê biên tài sản (Điều 128);

- Phong tỏa tài khoản (Điều 129).

2.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.

2.5. Hình phạt

2.5.1. Đối với cá nhân

(1) Khoản 1: Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 08 cá thể đến 11 cá thể lớp thú, từ 11 cá thể đến 15 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 16 cá thể đến 20 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

c) Từ 01 cá thể đến 02 cá thể voi, tê giác hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 01 cá thể đến 02 cá

thể voi, tê giác; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ;

d) Ngà voi có khối lượng từ 20 kilôgam đến dưới 90 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 09 kilôgam;

đ) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: là trường hợp người có chức vụ, quyền hạn sử dụng chức vụ, quyền hạn để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự (khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018);

g) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: là trường hợp người phạm tội thông qua cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên (không có chức vụ, quyền hạn) để thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

h) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm: theo điểm d tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

i) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm: theo điểm đ tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

k) Vận chuyển, buôn bán qua biên giới: theo điểm e tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

l) Tái phạm nguy hiểm theo điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên.

(3) Khoản 3: Phạt tù từ 10 năm đến 15 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 08 cá thể lớp thú trở lên, 11 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 16 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

b) Số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 12 cá thể lớp thú trở lên, 16 cá thể lớp chim, bò sát trở lên hoặc 21 cá thể động vật lớp khác trở lên quy định tại điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự;

c) Từ 03 cá thể voi, tê giác trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 03 cá thể voi, tê giác trở lên; 06 cá thể gấu, hổ trở lên hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của 06 cá thể gấu, hổ trở lên;

d) Ngà voi có khối lượng 90 kilôgam trở lên; sừng tê giác có khối lượng 09 kilôgam trở lên.

(4) Khoản 4 (Hình phạt bổ sung): Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

2.5.2. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội (khoản 5)

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 244 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i và k khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 244 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

d) Các hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm; hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 79 Bộ luật Hình sự.

Tội danh	- Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản) Điều 244 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	- (Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán) trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm (nêu rõ tên loài, thuộc Nhóm/Phụ lục, bộ phận, sản phẩm... loài và trị giá).

CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ

3. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190 Bộ luật Hình sự)

3.1. Những vấn đề phải chứng minh

3.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không

Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý:

Thứ nhất, xác định loài động vật hoang dã bị xâm hại.

- Các loài động vật bị xâm hại phải thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên; loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020 có nguồn gốc từ tự nhiên (gồm động vật sống, cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật) nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Lưu ý: Đối với sản phẩm của các loài Nhóm IB mà không thuộc Danh mục loài ưu tiên bảo vệ thì không xử lý theo Điều 244 Bộ luật Hình sự mà xử lý theo Điều 190 Bộ luật Hình sự.

- Việc xác định loài động vật hoang dã phải do tổ chức, cá nhân giám định tư pháp có thẩm quyền xác định.

Thứ hai, xác định hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm là động vật hoang dã.

Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau:

- Sản xuất;

- Buôn bán trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

Thứ ba, xác định trị giá của động vật hoang dã bị xâm hại hoặc có thu lợi bất chính.

- Trị giá của loài động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc xác định trị giá của động vật hoang dã do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận.

- Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên.

Thứ tư, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp trị giá động vật hoang dã dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Thứ năm, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

3.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội; hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại;

- Xác định hành vi phạm tội sản xuất, buôn bán trái phép hàng cấm là động vật hoang dã xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý. Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội. Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. 3.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.
3.2. Chứng cứ 3.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã, gồm: - Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật; - Phương tiện dùng để sản xuất, buôn bán động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật; - Các vật chứng khác mang dấu vết của tội phạm: điện thoại chứa tin nhắn giao dịch về động vật hoang dã, máy tính dùng để đăng bán động vật hoang dã trên mạng xã hội, thùng hàng chứa động vật hoang dã,... 3.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá động vật hoang dã; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.
3.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền 3.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106). 3.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự - Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII); - Khám nghiệm hiện trường (Điều 201); - Thực nghiệm điều tra (Điều 204). 3.3.3. Biện pháp trung cầu giám định Bắt buộc phải giám định để xác định động vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên; Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020 có nguồn gốc từ tự nhiên (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện). 3.3.4. Biện pháp định giá tài sản Định giá động vật hoang dã để xác định trị giá của động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật (Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Nghị định số 97/2019 (Điều 1 và Điều 3) và Thông tư số 30/2020/TT-BTC). 3.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do

mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

3.3.6. Các biện pháp ngăn chặn *được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);
- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);
- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

3.3.7. Các biện pháp *cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);
- Kê biên tài sản (Điều 128);
- Phong tỏa tài khoản (Điều 129).

3.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.

3.5. Hình phạt

3.5.1. Đối với cá nhân

(1) Khoản 1: Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Sản xuất, buôn bán hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Sản xuất, buôn bán hàng hóa dưới mức quy định tại các điểm d và đ, khoản 1, Điều 190 Bộ luật Hình sự nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 191, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

(2) Khoản 2: Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: theo điểm b tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: theo điểm c tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

d) Có tính chất chuyên nghiệp: là trường hợp người phạm tội đã liên tiếp phạm tội (từ 05 lần trở lên) và coi việc phạm tội này như là nguồn thu nhập chính;

đ) Buôn bán qua biên giới: theo điểm e tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

e) Trị giá hàng cấm là động vật hoang dã từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

g) Tái phạm nguy hiểm: theo điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên.

(3) Khoản 3: phạt tù từ 08 năm đến 15 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.

(4) Khoản 4: Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

3.5.2. Đối với pháp nhân thương mại (khoản 5)

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h và i khoản 2 Điều 190 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến

9.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;

đ) Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Tội danh	Vi phạm quy định về sản xuất, buôn bán hàng cấm theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 190 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày), tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: sản xuất, buôn bán) trái phép hàng cấm là động vật hoang dã (nêu rõ tên loài, thuộc Nhóm / Phụ lục...) trị giá (nêu trị giá).

4. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 Bộ luật Hình sự)

4.1. Những vấn đề phải chứng minh

4.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không

Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý:

Thứ nhất, xác định loại động vật hoang dã bị xâm hại.

- Các loài động vật bị xâm hại phải thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên; loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020 có nguồn gốc từ tự nhiên (gồm động vật sống, cá thể động vật chết, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật);

- Việc xác định loài động vật hoang dã phải do tổ chức, cá nhân giám định tư pháp có thẩm quyền xác định.

Thứ hai, xác định hành vi sản xuất, buôn bán hàng cấm là động vật hoang dã.

Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau:

- Vận chuyển;

- Tàng trữ trái phép động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật.

Thứ ba, xác định trị giá của động vật hoang dã bị xâm hại hoặc có thu lợi bất chính.

- Trị giá của loài động vật hoang dã, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc xác định trị giá của động vật hoang dã do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận.

- Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên.

Thứ tư, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp trị giá động vật hoang dã dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm e khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự.

Thứ năm, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

- Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội phạm liên quan đến động vật hoang dã.

4.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội; hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại;

- Xác định hành vi phạm tội vận chuyển, tàng trữ trái phép hàng cấm là động vật hoang dã xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

4.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

4.2. Chứng cứ

4.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã, gồm:

- Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;

- Phương tiện dùng để tàng trữ, vận chuyển động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật;

- Các vật chứng khác mang dấu vết của tội phạm: điện thoại chứa tin nhắn hoặc máy tính chứa nội dung, hình ảnh,

lịch sử trao đổi về tội phạm vận chuyển, tàng trữ động vật hoang dã...

4.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá động vật hoang dã; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

4.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

4.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106).

4.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);
- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);
- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

4.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Bắt buộc phải giám định để xác định động vật thuộc Phụ lục I CITES có nguồn gốc từ tự nhiên; Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020 có nguồn gốc từ tự nhiên (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

4.3.4. Biện pháp định giá tài sản

Định giá động vật hoang dã để xác định trị giá của động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật (Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Nghị định số 97/2019 (Điều 1 và Điều 3) và Thông tư số 30/2020/TT-BTC).

4.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cất giữ hành).

4.3.6. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);
- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);
- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

4.3.7. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);

- Kê biên tài sản (Điều 128); - Phong tỏa tài khoản (Điều 129).
4.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.
4.5. Hình phạt 4.5.1. Đối với cá nhân (1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Tàng trữ, vận chuyển hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; b) Tàng trữ, vận chuyển hàng hóa dưới mức quy định tại điểm d khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 188, 189, 190, 192, 193, 194, 195, 196 và 200 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. (2) Khoản 2: Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn: theo điểm b tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; c) Lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức: theo điểm c tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; d) Có tính chất chuyên nghiệp: theo điểm d tiểu mục (2) thuộc mục 3.5.1 nêu trên; đ) Vận chuyển qua biên giới hàng cấm là động vật hoang dã: theo điểm e tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; e) Trị giá hàng cấm là động vật hoang dã từ 300.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; g) Tái phạm nguy hiểm: theo điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên. (3) Khoản 3: Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Hàng hóa khác mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên. (4) Khoản 4: Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

4.5.2. Đối với pháp nhân thương mại (khoản 5) a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, d, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; đ) Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
Tội danh	Vi phạm quy định về tàng trữ, vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 191 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày), tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: tàng trữ, vận chuyển) trái phép hàng cấm là động vật hoang dã (nêu rõ tên loài, thuộc Nhóm/Phụ lục...) trị giá (nêu trị giá).

CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG 5. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người (Điều 240 Bộ luật Hình sự)	
5.1. Những vấn đề phải chứng minh 5.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định hành vi phạm tội. Thực hiện ít nhất một trong các hành vi sau đây: - Đã đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. - Đã đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người. Việc xác định loài động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người phải do tổ chức, cá nhân giám định tư pháp có thẩm quyền xác định. Thứ hai, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm. Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực	

hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người.

5.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

- Xác định hành vi phạm tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

5.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

5.2. Chứng cứ

5.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã, gồm:

Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật và phương tiện dùng để đưa động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật mang mầm bệnh nguy hiểm cho người ra khỏi vùng có dịch bệnh hoặc đưa vào lãnh thổ Việt Nam.

5.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

5.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

5.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106).

5.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);

- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

5.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Bắt buộc phải giám định để xác định động vật, bộ phận hoặc sản phẩm từ động vật mang mầm bệnh nguy hiểm cho người (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

5.3.4. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cất giữ hành).

5.3.5. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự - Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110); - Bắt (Điều 111 và Điều 113); - Tạm giữ (Điều 117); - Tạm giam (Điều 119); - Bảo lĩnh (Điều 121); - Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122); - Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123); - Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124). 5.3.6. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự - Áp giải, dẫn giải (Điều 127); - Kê biên tài sản (Điều 128); - Phong tỏa tài khoản (Điều 129).
5.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.
5.5. Hình phạt (1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật hoặc sản phẩm từ động vật có khả năng lây truyền

dịch bệnh nguy hiểm cho người, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật hoặc sản phẩm động vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người.

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ trưởng Bộ Y tế: là trường hợp phạm tội mà hậu quả đã gây ra là làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm ở mức độ lãnh đạo cấp tỉnh hoặc cấp bộ phải công bố dịch bệnh¹;

b) Làm chết người: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả làm chết 01 người.

(3) Khoản 3: Phạt tù từ 10 năm đến 12 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: là trường hợp phạm tội mà hậu quả đã gây ra là làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm ở mức độ Thủ tướng Chính phủ phải công bố dịch bệnh²;

b) Làm chết 02 người trở lên: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả làm chết 02 người trở lên.

1. Vận dụng tinh thần tại điểm b khoản 2 Điều 38 và khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

2. Vận dụng tinh thần tại điểm c khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007.

(4) Khoản 4: Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Vi phạm quy định về làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 240 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày), tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: đã đưa ra; cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh; đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam...) động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người (nêu rõ tên loài, thuộc Nhóm/Phụ lục...) gây hậu quả (nêu rõ hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nếu có).

6. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241 Bộ luật Hình sự)

6.1. Những vấn đề phải chứng minh
6.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không
Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý:
Thứ nhất, xác định hành vi phạm tội.
Thực hiện ít nhất một trong các hành vi sau đây:

- Đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch ¹ động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm động vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;
- Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật thuộc diện kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch;
- Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật ² .
Việc xác định loài động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người phải do tổ chức, cá nhân giám định tư pháp có thẩm quyền xác định.
Thứ hai, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.
Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội

1. Vùng có dịch bệnh được hiểu là khu vực được cơ quan có thẩm quyền xác định là có dịch bệnh (khoản 14 Điều 2 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007) - tức là có “sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số người mắc bệnh dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định” (khoản 13 Điều 2 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007).

2. Là những hành vi khác ngoài những hành vi được quy định tại Điều 241 Bộ luật Hình sự, được pháp luật khác quy định mà theo đó, người phạm tội đã thực hiện làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp gây thiệt hại dưới mức quy định để truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 241 Bộ luật Hình sự.

Thứ ba, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

- Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho động vật.

6.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

- Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

- Xác định hành vi phạm tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho động vật, thực vật xảy ra trước hoặc sau ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) (Điều 4 Nghị quyết số 05/2018) để làm căn cứ xử lý.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

6.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

6.2. Chứng cứ

6.2.1. Vật chứng trong vụ án làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật gồm:

- Động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật và phương tiện dùng để đưa động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật mang mầm bệnh nguy hiểm cho

người ra khỏi vùng có dịch bệnh hoặc đưa vào lãnh thổ Việt Nam.

6.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định; biên bản hoạt động tố tụng; kết quả ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

6.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

6.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106).

6.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);

- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

6.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Bắt buộc phải giám định để xác định động vật, bộ phận hoặc sản phẩm từ động vật mang mầm bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

6.3.4. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

6.3.5. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);
- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);
- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

6.3.6. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);
- Kê biên tài sản (Điều 128);
- Phong tỏa tài khoản (Điều 129).

6.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan

có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.

6.5. Hình phạt

(1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) Đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật, sản phẩm động vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thuộc diện kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch;

c) Hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(3) Khoản 3: Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây thiệt hại về tài sản 1.000.000.000 đồng trở lên;

b) Dẫn đến phải công bố dịch thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
(4) Khoản 4: Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Vi phạm quy định về làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 241 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày), tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: đã đưa vào, mang ra hoặc cho phép đưa vào, mang ra khỏi vùng có dịch động vật...) động vật, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh... (nêu rõ tên loài, thuộc Nhóm/Phụ lục...) gây hậu quả (nêu rõ hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nếu có).

7. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242 Bộ luật Hình sự)

7.1. Những vấn đề phải chứng minh
7.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không
Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý:

Thứ nhất, xác định hành vi phá hoại nguồn lợi thủy sản.
Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau:
- Đã sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm ¹ để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản.
- Đã khai thác thủy sản ² trong khu vực cấm hoặc trong khu vực cấm có thời hạn ³ .
- Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự.
- Đã phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
- Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

1. Phương tiện, ngư cụ bị cấm là các phương tiện, ngư cụ trong danh mục các loại phương tiện, ngư cụ không được phép sử dụng được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (các điều 3, 13 và 14 Luật Thủy sản năm 2017).

2. Khai thác thủy sản được hiểu là hoạt động đánh bắt nguồn lợi thủy sản (tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên có giá trị kinh tế, khoa học, du lịch, giải trí) hoặc là hoạt động hậu cần đánh bắt này (hoạt động thăm dò, tìm kiếm, dẫn dụ nguồn lợi thủy sản...).

3. Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành (khoản 4 Điều 14 Luật Thủy sản năm 2017).

- Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%. Thứ hai, xác định trị giá của nguồn lợi thủy sản bị xâm hại hoặc có thu lợi bất chính. - Trị giá nguồn lợi thủy sản bị thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên. Việc xác định trị giá của động vật hoang dã do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận. - Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên. Thứ ba, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội. Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp trị giá thiệt hại nguồn lợi thủy sản dưới mức 100.000.000 đồng hoặc trị giá thủy sản thu được dưới 50.000.000 đồng để truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 242 Bộ luật Hình sự. Thứ tư, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm. Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản. 7.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội. Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội; hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội. - Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. 7.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.
7.2. Chứng cứ 7.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến nguồn lợi thủy sản, gồm: - Thủy sản bị thiệt hại do hành vi hủy hoại; - Phương tiện, ngư cụ bị cấm dùng trong quá trình thực hiện tội phạm hủy hoại nguồn lợi thủy sản; - Các vật chứng khác mang dấu vết của tội phạm: chất thải, hóa chất, thùng chứa chất thải, hóa chất... 7.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá nguồn lợi thủy sản; biên bản hoạt động tố tụng; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.
7.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền 7.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến nguồn lợi thủy sản Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106). 7.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến nguồn lợi thủy sản theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự - Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII); - Khám nghiệm hiện trường (Điều 201); - Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

7.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Trường hợp cần thiết, có thể trưng cầu giám định đối với phương tiện, ngư cụ để xác định các phương tiện, ngư cụ thuộc danh mục các loại phương tiện, ngư cụ không được phép sử dụng được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành¹; trưng cầu giám định các chất thải, hóa chất... (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

7.3.4. Biện pháp định giá tài sản

Định giá động vật hoang dã để xác định trị giá thiệt hại về thủy sản (Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Nghị định số 97/2019 (Điều 1 và Điều 3) và Thông tư số 30/2020/TT-BTC).

7.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

1. Các điều 3, 13 và 14 Luật Thủy sản năm 2017; Điều 13 và Phụ lục II của Thông tư số 19/2018.

7.3.6. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);
- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);
- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

7.3.7. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);
- Kê biên tài sản (Điều 128);
- Phong tỏa tài khoản (Điều 129).

7.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp, Cơ quan quản lý về thủy sản (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.

7.5. Hình phạt

7.5.1. Đối với cá nhân

(1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản;

b) Khai thác thủy sản trong khu vực cấm hoặc trong khu vực cấm có thời hạn;

c) Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự;

d) Phá hoại nơi cư ngụ của loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

g) Vi phạm quy định khác của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

(2) Khoản 2: Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 05 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng hoặc thủy sản thu được trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Làm chết người: theo điểm b tiểu mục (2) thuộc mục 5.5 nêu trên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%.

(3) Khoản 3: Phạt tù từ 05 năm đến 10 năm nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản 1.500.000.000 đồng trở lên hoặc thủy sản thu được trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Làm chết 02 người trở lên: theo điểm b tiểu mục (3) thuộc mục 5.5 nêu trên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên.

(4) Khoản 4: Hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

7.5.2. Đối với pháp nhân thương mại (khoản 5)

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 242 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 242 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 242 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

d) Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm

kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
Tội danh	Vi phạm quy định về hủy hoại nguồn lợi thủy sản theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 242 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày), tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: đã sử dụng chất độc, chất nổ, hóa chất, dòng điện hoặc phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản...) trái phép; gây hậu quả (nêu rõ hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nếu có).

8. Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245 Bộ luật Hình sự)

8.1. Những vấn đề phải chứng minh 8.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định hành vi vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên. Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc nhiều hành vi trái phép sau:
--

- Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên¹ thuộc một trong các trường hợp sau đây²:

+ Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

+ Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) đến dưới 500 mét vuông (m²);

Thứ hai, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp gây thiệt hại trị giá về tài sản dưới mức 50.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) để truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

1. Khu bảo tồn thiên nhiên được hiểu là “khu vực địa lý được xác lập ranh giới và phân khu chức năng để bảo tồn đa dạng sinh học”.

2. Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên là hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc thực hiện hành vi bị cấm theo quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên được ghi nhận trong Luật Đa dạng sinh học năm 2018 hoặc trong Quy chế quản lý khu bảo tồn. Ví dụ: xây dựng công trình nghỉ dưỡng trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là hành vi vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn (hành vi này bị cấm theo khoản 2 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2018).

Thứ ba, làm rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm.

Xác định rõ các thủ đoạn, cách thức, phương thức thực hiện tội phạm để xem xét về các tội phạm khác ngoài tội phạm vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên.

8.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội.

Nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội; hoặc thời điểm thành lập đối với pháp nhân thương mại.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

- Xác định khu cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên bị thiệt hại nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xác định thẩm quyền theo lãnh thổ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

8.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

8.2. Chứng cứ

8.2.1. Vật chứng trong vụ án liên quan đến động vật hoang dã, gồm:

- Các mẫu vật bị thiệt hại trong khu bảo tồn thiên nhiên.
- Các công cụ, phương tiện mà người phạm tội sử dụng để phạm tội...

8.2.2. Chứng cứ khác: Lời khai; kết luận giám định, định giá động vật hoang dã; biên bản hoạt động tố tụng; dữ liệu điện tử và tài liệu, đồ vật khác.

8.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

8.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến động vật hoang dã

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106).

8.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến động vật hoang dã theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật, phương tiện (Chương XIII);

- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);

- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

8.3.3. Biện pháp trưng cầu giám định

Trường hợp cần thiết, có thể trưng cầu giám định đối với các mẫu vật thiệt hại trong khu bảo tồn thiên nhiên; trưng cầu giám định về diện tích trong khu bảo tồn thiên nhiên bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

8.3.4. Biện pháp định giá tài sản

Định giá động vật hoang dã để xác định trị giá thiệt hại (Bộ luật Tố tụng hình sự (từ Điều 215 đến Điều 222), Nghị định số 30/2018 (từ Điều 6 đến Điều 13), Nghị định số 97/2019 (Điều 1 và Điều 3) và Thông tư số 30/2020/TT-BTC).

8.3.5. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tiền, vật liên quan đến tội phạm (công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; các khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; vật thuộc loại mà Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

8.3.6. Các biện pháp ngăn chặn được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Điều 110);
- Bắt (Điều 111 và Điều 113);
- Tạm giữ (Điều 117);
- Tạm giam (Điều 119);
- Bảo lĩnh (Điều 121);
- Đặt tiền để bảo đảm (Điều 122);
- Cấm đi khỏi nơi cư trú (Điều 123);
- Tạm hoãn xuất cảnh (Điều 124).

8.3.7. Các biện pháp cưỡng chế được áp dụng chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Áp giải, dẫn giải (Điều 127);
- Kê biên tài sản (Điều 128);
- Phong tỏa tài khoản (Điều 129).

8.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Kiểm lâm, Kiểm ngư, Hải quan, Quản lý thị trường, Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES, Cơ quan cứu hộ; các cơ quan, tổ chức và cá nhân giám định tư pháp, Cơ quan quản lý về thủy sản (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,...) và Hội đồng định giá tài sản.

8.5. Hình phạt

8.5.1. Đối với cá nhân

(1) Khoản 1: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích từ 300 mét vuông (m²) đến dưới 500 mét vuông (m²).

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Gây thiệt hại về tài sản 200.000.000 đồng trở lên;

b) Gây thiệt hại đến cảnh quan, hệ sinh thái tự nhiên trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn thiên nhiên có tổng diện tích 500 mét vuông (m²) trở lên;

c) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

d) Sử dụng công cụ, phương tiện, biện pháp bị cấm: đây là trường hợp phạm tội mà người phạm tội khi thực hiện hành vi vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên đã sử dụng những công cụ, phương tiện không được phép sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Tái phạm nguy hiểm: theo điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên.

(3) Khoản 3: Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. 8.5.2. Đối với pháp nhân thương mại (khoản 5) a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; d) Hình phạt bổ sung: Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.	
Tội danh	Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 245 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can) vào (ngày) tại (địa điểm) đã thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: Vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên...) gây hậu quả (nêu rõ hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nếu có).

CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG

9. Tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304 Bộ luật Hình sự)

9.1. Những vấn đề phải chứng minh 9.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, cần xác định loại vũ khí/phương tiện được sử dụng trái phép là loại nào? Có phải là vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự hay không? - Vũ khí quân dụng: là vũ khí¹ được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất, tại khoản 2 Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).	
--	--

1. Vũ khí là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất, bao gồm: vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự (khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019)).

- Phương tiện kỹ thuật quân sự: là các loại xe, khí tài, phương tiện khác được thiết kế, chế tạo và trang bị cho lực lượng vũ trang để huấn luyện, chiến đấu và phục vụ chiến đấu¹. Thứ hai, xác định có hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự: là hành vi khai thác giá trị sử dụng của vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự trái với quy định của pháp luật. 9.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự. Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội. 9.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.	9.2. Chứng cứ 9.2.1. Vật chứng Vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự... 9.2.2. Nguồn chứng cứ khác Lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); kết luận giám định, định giá đối với vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, kết luận giám định về tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có); biên bản trong hoạt động khởi tố,
--	--

1. Vận dụng tinh thần Thông tư liên ngành số 01/TTLN, ngày 07/01/1995 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Nội vụ hướng dẫn áp dụng Điều 95 và Điều 96 Bộ luật Hình sự.

điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác; dữ liệu điện tử.

9.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

9.3.1. Các biện pháp thu thập, bảo quản và xử lý vật chứng liên quan đến vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự

Thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (các điều 90, 105 và 106).

9.3.2. Một số biện pháp thu thập chứng cứ đặc trưng liên quan đến vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Khám xét, thu giữ, tạm giữ vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự hoặc tài liệu, đồ vật khác (Chương XIII);
- Khám nghiệm hiện trường (Điều 201);
- Thực nghiệm điều tra (Điều 204).

9.3.3. Biện pháp trung cầu giám định

Để xác định là vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

9.3.4. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: theo mục 1.3.5.

9.3.5. Các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: theo mục 1.3.6 và mục 1.3.7.

9.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Bộ Quốc phòng, Cơ quan quản lý vũ khí, Ủy ban nhân dân các cấp...

9.5. Hình phạt

(1) Khoản 1: Phạt tù từ 01 năm đến 07 năm.

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 05 năm đến 12 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau:

a) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

b) Vận chuyển, mua bán qua biên giới: theo điểm e tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên;

c) Làm chết người: theo điểm b tiểu mục (2) thuộc mục 5.5 nêu trên;

d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên: theo điểm đ tiểu mục (1) thuộc mục 7.5.1 nêu trên;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%: theo điểm e tiểu mục (1) thuộc mục 7.5.1 nêu trên;

e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng: đây là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả gây thiệt hại về tài sản của người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

g) Vật phạm pháp có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn: đây là trường hợp phạm tội mà người phạm tội thực hiện hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự có số lượng lớn hoặc có giá trị lớn;

h) Tái phạm nguy hiểm: theo điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên.

(3) Khoản 3: Mức phạt tù từ 10 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau:

a) Làm chết 02 người: theo điểm b tiểu mục (3) thuộc mục 5.5 nêu trên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%: theo điểm c tiểu mục (2) thuộc mục 7.5. nêu trên;

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại về tài sản của người khác có giá trị từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

d) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc có giá trị rất lớn: đây là trường hợp phạm tội mà người phạm tội thực hiện hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự có số lượng rất lớn hoặc có giá trị rất lớn.

(4) Khoản 4: Mức phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân áp dụng đối với một trong những trường hợp sau:

a) Làm chết 03 người trở lên: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả làm 03 người chết trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên: theo <i>điểm c tiểu mục (3) thuộc mục 7.5.1</i> nêu trên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại về tài sản của người khác có giá trị từ 1.500.000.000 đồng trở lên; d) Vật phạm pháp có số lượng đặc biệt lớn hoặc có giá trị đặc biệt lớn: đây là trường hợp phạm tội mà người phạm tội thực hiện hành vi chế tạo, tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự có số lượng đặc biệt lớn hoặc có giá trị đặc biệt lớn. (5) Khoản 5: Khung hình phạt bổ sung có thể áp dụng là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 304 Bộ luật Hình sự (nếu có)
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (nêu tên, loại,

	số lượng / giá trị của vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự) (Điều 304 Bộ luật Hình sự)
--	---

10. Tội sử dụng trái phép vật liệu nổ (Điều 305 Bộ luật Hình sự)

10.1. Những vấn đề phải chứng minh 10.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định vật liệu nổ. Vật liệu nổ là sản phẩm dưới tác động của xung kích thích ban đầu gây ra phản ứng hóa học nhanh, mạnh, tỏa nhiệt, sinh khí, phát sáng, tạo ra tiếng nổ, bao gồm: một là, thuốc nổ là hóa chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích; hai là, phụ kiện nổ là kíp nổ, dây nổ, dây cháy chậm, mồi nổ, vật phẩm chứa thuốc nổ có tác dụng tạo xung kích thích ban đầu làm nổ khối thuốc nổ hoặc thiết bị chuyên dùng có chứa thuốc nổ¹. Thứ hai, xác định có hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ: là hành vi khai thác giá trị sử dụng của vật liệu nổ trái với quy định của pháp luật.

1. Theo khoản 7 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

10.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự. Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội. 10.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.
10.2. Chứng cứ 10.2.1. Vật chứng: Vật liệu nổ... 10.2.2. Nguồn chứng cứ khác: Lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); kết luận giám định đối với vật liệu nổ, kết luận giám định về tỷ lệ tổn thương cơ thể; biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác.
10.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền Theo mục 9.3 nêu trên, ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trưng cầu giám định để xác định là vật liệu nổ, xác định loại vật liệu nổ, khối lượng thuốc nổ (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).
10.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, Bộ Quốc phòng, Cơ quan quản lý vật liệu nổ, ủy ban nhân dân các cấp...

10.5. Hình phạt: (1) Khoản 1: Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm đối với trường hợp sử dụng trái phép vật liệu nổ. (2) Khoản 2: Phạt tù từ 03 năm đến 10 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; b) Thuốc nổ các loại từ 10 kilôgam đến dưới 30 kilôgam: là trường hợp phạm tội mà đối tượng tác động của hành vi phạm tội là thuốc nổ các loại và có khối lượng thuốc nổ các loại từ 10 kilôgam đến dưới 30 kilôgam; c) Các loại phụ kiện nổ có số lượng lớn: là trường hợp phạm tội mà có số lượng lớn các loại phụ kiện nổ; d) Làm chết người: theo điểm b tiểu mục (2) thuộc mục 5.5 nêu trên; đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên: theo điểm đ tiểu mục (1) thuộc mục 7.5.1 nêu trên; e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%: theo điểm e tiểu mục (1) thuộc mục 7.5.1 nêu trên; g) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

h) Tái phạm nguy hiểm: theo <i>điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1</i> nêu trên. (3) <i>Khoản 3</i>: Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Thuốc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam: là trường hợp phạm tội mà đối tượng tác động của hành vi phạm tội là thuốc nổ các loại và có khối lượng thuốc nổ các loại từ 30 kilôgam đến dưới 100 kilôgam; b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng rất lớn: là trường hợp phạm tội mà có số lượng rất lớn các loại phụ kiện nổ; c) Làm chết 02 người: theo <i>điểm b tiểu mục (3) thuộc mục 5.5</i> nêu trên; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%: theo <i>điểm c tiểu mục (2) thuộc mục 7.5.1</i> nêu trên; đ) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng. (4) <i>Khoản 4</i>: Phạt tù từ 15 năm đến 20 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Thuốc nổ các loại 100 kilôgam trở lên: là trường hợp phạm tội mà đối tượng tác động của hành vi phạm tội là thuốc nổ và có khối lượng thuốc nổ từ 100 kilôgam trở lên; b) Các loại phụ kiện nổ có số lượng đặc biệt lớn: là trường hợp phạm tội mà có số lượng các loại phụ kiện nổ đặc biệt lớn;
--

c) Làm chết 03 người trở lên: theo <i>điểm a tiểu mục (4) thuộc mục 9.5</i> nêu trên; d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên: theo <i>điểm c tiểu mục (3) thuộc mục 7.5.1</i> nêu trên. (5) <i>Khoản 5</i>: Khung hình phạt bổ sung có thể áp dụng là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Sử dụng trái phép vật liệu nổ theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 305 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ (nêu rõ tên, loại, khối lượng / số lượng vật liệu nổ) (Điều 305 Bộ luật Hình sự).

11. Tội sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 306 Bộ luật Hình sự)

11.1. Những vấn đề phải chứng minh 11.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định người bị buộc tội đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc

công cụ hỗ trợ: là hành vi khai thác giá trị sử dụng của súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ một cách trái phép.

(1) Súng săn là súng được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, được sử dụng để săn bắn, bao gồm: súng kíp, súng hơi và đạn sử dụng cho các loại súng này¹.

(2) Vũ khí thô sơ là vũ khí có cấu tạo, nguyên lý hoạt động đơn giản và được chế tạo, sản xuất thủ công hoặc công nghiệp, bao gồm: dao găm, kiếm, giáo, mác, thương, lưỡi lê, đao, mã tấu, côn, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, phi tiêu².

(3) Vũ khí thể thao bao gồm: súng trường hơi, súng trường bắn đạn nổ, súng ngắn hơi, súng ngắn bắn đạn nổ, súng thể thao bắn đạn sơn, súng bắn đĩa bay và đạn sử dụng cho các loại súng này; dao găm, kiếm, giáo, mác, thương, lưỡi lê, đao, mã tấu, côn, quả đấm, quả chùy, cung, nỏ, phi tiêu dùng để luyện tập, thi đấu thể thao³.

(4) Công cụ hỗ trợ là phương tiện, động vật nghiệp vụ quy định tại khoản 11 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019), bao gồm:

- Súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mồi; súng bắn đạn nhựa,

1, 2, 3. Xem Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019): khoản 3 Điều 3; khoản 4 Điều 3; khoản 5 Điều 3.

nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh, đánh dấu và đạn sử dụng cho các loại súng này;

- Phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa;

- Lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ;

- Dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số tám, bàn chống, dây đinh gai; áo giáp; găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn; thiết bị áp chế bằng âm thanh;

- Động vật nghiệp vụ là động vật được huấn luyện để sử dụng cho yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

- Công cụ hỗ trợ có tính năng, tác dụng tương tự là phương tiện được chế tạo, sản xuất không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp, có tính năng, tác dụng tương tự như công cụ hỗ trợ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 11 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Thứ hai, xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội.

Xác định tiền án, tiền sự của người có hành vi phạm tội để xem xét trách nhiệm hình sự trong trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 306 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

11.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, làm rõ <i>địa điểm phạm tội</i> .
11.1.3. Tội phạm được thực hiện với <i>lỗi cố ý</i> .
11.2. <i>Chứng cứ</i>
11.2.1. <i>Vật chứng</i>
Súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ.
11.2.2. <i>Nguồn chứng cứ khác</i>
Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ; lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); kết luận giám định đối với súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ, kết luận giám định về tỷ lệ tổn thương cơ thể (nếu có); biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác.
11.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền
Theo <i>mục 9.3</i> nêu trên, ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trưng cầu giám định để xác định loại súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).
11.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, Kiểm lâm, Hải quan...
11.5. <i>Hình phạt</i>
(1) Khoản 1: Phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

(2) Khoản 2: Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau:
a) Có tổ chức: theo <i>điểm a tiểu mục (2)</i> thuộc <i>mục 1.5.1</i> nêu trên;
b) Vật phạm pháp có số lượng lớn: là trường hợp phạm tội mà có số lượng súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ là lớn;
c) Làm chết người: theo <i>điểm b tiểu mục (2)</i> thuộc <i>mục 5.5</i> nêu trên;
d) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên: theo <i>điểm d tiểu mục (1)</i> thuộc <i>mục 7.5.1</i> nêu trên;
đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%: theo <i>điểm e tiểu mục (1)</i> thuộc <i>mục 7.5.1</i> nêu trên;
e) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng: là trường hợp phạm tội dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại về tài sản cho người khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
g) Tái phạm nguy hiểm: theo <i>điểm i tiểu mục (2)</i> thuộc <i>mục 1.5.1</i> nêu trên.
(3) Khoản 3: Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau:
a) Vật phạm pháp có số lượng rất lớn hoặc đặc biệt lớn: là trường hợp phạm tội mà có số lượng súng săn, vũ khí

thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ là rất lớn hoặc đặc biệt lớn; b) Làm chết 02 người trở lên: theo <i>điểm b tiểu mục (3)</i> thuộc <i>mục 5.5</i> nêu trên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên: theo <i>điểm c tiểu mục (2)</i> thuộc <i>mục 7.5.1</i> nêu trên; d) Gây thiệt hại về tài sản 500.000.000 đồng trở lên: là trường hợp phạm tội mà dẫn đến hậu quả là gây thiệt hại về tài sản của người khác có giá trị từ 500.000.000 đồng trở lên. (4) <i>Khoản 4</i>: Khung hình phạt bổ sung có thể áp dụng là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 306 Bộ luật Hình sự
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (nêu rõ tên loại, số lượng súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ) nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các

	hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm (Điều 306 Bộ luật Hình sự).
--	--

CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH

12. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật Hình sự)

12.1. Những vấn đề phải chứng minh 12.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: Thứ nhất, xác định người bị buộc tội đã thực hiện 02 hành vi kế tiếp nhau, gồm: (1) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức: là hành vi làm sai lệch nội dung của giấy chứng nhận hoặc các tài liệu của cơ quan, tổ chức như thay thế ảnh chụp, sửa chữa họ tên, thêm, bớt, tẩy, xóa chữ, ngày tháng năm, hình con dấu, biểu tượng hoặc các dấu hiệu khác của giấy chứng nhận, các tài liệu này bằng những thủ đoạn như dùng phương tiện kỹ thuật, dùng hóa chất,... (2) Sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức đã bị sửa chữa, làm sai lệch: là hành vi xuất trình cho	
--	--

cơ quan, tổ chức giấy chứng nhận, tài liệu đã bị sửa chữa, làm sai lệch nội dung.

Lưu ý:

- Người thực hiện hành vi sửa chữa nội dung giấy chứng nhận, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sau đó sử dụng chúng để thực hiện một tội phạm khác theo quy định của Bộ luật Hình sự. Ví dụ: Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh trưởng/nuôi sinh sản động vật hoang dã của B đã hết hạn, B tự mình sửa chữa mục thời gian trên Giấy chứng nhận và xuất trình Giấy chứng nhận khi lực lượng chức năng đến kiểm tra về hành vi nuôi trái phép động vật hoang dã.

- Người thực hiện hành vi sửa chữa nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng chúng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị coi là phạm tội.

12.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội.

12.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.

12.2. Chứng cứ

12.2.1. Vật chứng

Hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức đã bị sửa chữa...

12.2.2. Nguồn chứng cứ khác

Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó; lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); kết luận giám định đối với giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức; biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác.

12.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền

Theo mục 9.3 nêu trên, ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trưng cầu giám định để xác định thủ đoạn sửa chữa, làm sai lệch giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức... (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).

12.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Hải quan; Bộ đội biên phòng, các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước về hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch hoặc các loại giấy chứng nhận; Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân...

12.5. Hình phạt (1) Khoản 1: Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. (2) Khoản 2: Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Phạm tội 02 lần trở lên: là trường hợp phạm tội mà chủ thể đã thực hiện tội này từ 02 lần trở lên nhưng các lần đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đều còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 27 Bộ luật Hình sự; b) Sử dụng giấy tờ, tài liệu đã bị sửa chữa hoặc làm sai lệch thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. (3) Khoản 3: Khung hình phạt bổ sung có thể áp dụng là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.	
Tội danh	Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 340 Bộ luật Hình sự.
Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: sửa chữa, làm sai lệch nội dung hộ chiếu, thị thực, hộ khẩu, hộ tịch, các loại giấy chứng nhận hoặc tài liệu của cơ quan,

	tổ chức và sử dụng giấy tờ đó thực hiện tội phạm hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm) (Điều 340 Bộ luật Hình sự).
--	---

13. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341 Bộ luật Hình sự)

13.1. Những vấn đề phải chứng minh 13.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: xác định người bị buộc tội đã thực hiện một trong hai hành vi sau: (1) Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức: là hành vi làm ra một cách trái pháp luật con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức, như khắc con dấu giả, chế bản, in, ký tên, đóng dấu để tạo ra các giấy tờ, tài liệu giả của một cơ quan, tổ chức. (2) Sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật: là hành vi sử dụng các con dấu, tài liệu, giấy tờ giả như là phương tiện để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật. 13.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự.	
--	--

Thứ hai, làm rõ <i>địa điểm phạm tội</i>. 13.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.
13.2. Chứng cứ 13.2.1. Vật chứng Con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức... 13.2.2. Nguồn chứng cứ khác Lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); kết luận giám định đối với con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác.
13.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền Theo mục 9.3 nêu trên, ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp trưng cầu giám định để xác định con dấu, tài liệu thu được là con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; xác định thủ đoạn làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (từ Điều 205 đến Điều 214 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Giám định tư pháp và các văn bản hướng dẫn thực hiện).
13.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Kiểm lâm, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Kiểm ngư, Quản lý thị trường, Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân; các cơ quan, tổ chức khác trong lĩnh vực quản lý hành chính của Nhà nước như chủ tịch ủy ban nhân dân,...

13.5. Hình phạt (1) Khoản 1: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm. (2) Khoản 2: Phạt tù từ 02 năm đến 05 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Có tổ chức: theo điểm a tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1 nêu trên; b) Phạm tội 02 lần trở lên: là trường hợp phạm tội mà chủ thể đã thực hiện tội này từ 02 lần trở lên nhưng các lần đều chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đều còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 27 Bộ luật Hình sự; c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác: là trường hợp phạm tội có hành vi làm giả với số lượng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác; d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng: là trường hợp phạm tội có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả khác để thực hiện một tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng; đ) Thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng: là trường hợp thông qua hành vi phạm tội, chủ thể thực hiện đã thu lợi bất chính từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;
--

e) Tái phạm nguy hiểm: theo <i>điểm i tiểu mục (2) thuộc mục 1.5.1</i> nêu trên. (3) <i>Khoản 3</i>: Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm áp dụng đối với một trong những trường hợp sau: a) Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên: là trường hợp phạm tội có hành vi làm giả với số lượng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác từ 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên; b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng: là trường hợp phạm tội có hành vi sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả khác để thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; c) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên: là trường hợp thông qua hành vi phạm tội, chủ thể thực hiện đã thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên. (4) <i>Khoản 4</i>: Khung hình phạt bổ sung có thể áp dụng là phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.	
Tội danh	- Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 341 Bộ luật Hình sự. - Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm (nêu rõ điểm), khoản (nêu rõ khoản), Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Chi tiết hành vi phạm tội	- (Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức (nêu rõ con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác bị làm giả và tên của cơ quan, tổ chức) (Điều 341 Bộ luật Hình sự). - (Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật (nêu cụ thể con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác bị làm giả; tên của cơ quan, tổ chức và hành vi trái pháp luật) (Điều 341 Bộ luật Hình sự).
---------------------------	--

14. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép (Điều 347 Bộ luật Hình sự)

14.1. Những vấn đề phải chứng minh 14.1.1. Xác định có hành vi phạm tội xảy ra hay không Cơ sở pháp lý những vấn đề phải chứng minh thực hiện theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng hình sự, đồng thời cần lưu ý: xác định người bị buộc tội đã thực hiện một trong các hành vi: (1) Xuất cảnh¹ trái phép: là hành vi của công dân Việt Nam, người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và

1. Khoản 1 Điều 2 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; khoản 6 Điều 3 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

người không quốc tịch ra khỏi lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam một cách trái pháp luật.

(2) Nhập cảnh¹ trái phép: là hành vi của công dân Việt Nam, người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam qua cửa khẩu của Việt Nam.

(3) Ở lại Việt Nam trái phép được quy định là hành vi của người mang giấy tờ xác định quốc tịch nước ngoài và người không quốc tịch vào Việt Nam hợp pháp nhưng đã không rời khỏi Việt Nam khi hết thời hạn được phép.

Lưu ý:

- Chủ thể của tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh là bất kể người nào từ đủ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

- Chủ thể của tội ở lại Việt Nam trái phép là người nước ngoài hoặc người không có quốc tịch thường trú ở nước ngoài từ đủ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

14.1.2. Thời gian, địa điểm phạm tội

Thứ nhất, xác định thời gian phạm tội: nhằm xác định có đủ tuổi truy cứu trách nhiệm hình sự.

1. Khoản 2 Điều 2 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019; khoản 4 Điều 3 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

Thứ hai, làm rõ địa điểm phạm tội. 14.1.3. Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý.	
14.2. Chứng cứ Chứng cứ từ các nguồn: vật chứng; hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép; lời khai (của người làm chứng, của người bị buộc tội); biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; các tài liệu, đồ vật khác.	
14.3. Các biện pháp, lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền Theo mục 9.3 nêu trên.	
14.4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp: Công an; Bộ đội biên phòng, Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân, ủy ban nhân dân...	
14.5. Hình phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.	
Tội danh	- Vi phạm quy định về xuất cảnh theo quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự; - Vi phạm quy định về nhập cảnh theo quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự; - Ở lại Việt Nam trái phép theo quy định tại Điều 347 Bộ luật Hình sự.

Chi tiết hành vi phạm tội	(Tên bị can), (ngày), (địa điểm) thực hiện hành vi (nêu rõ hành vi: vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam) trái phép; đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm (Điều 347 Bộ luật Hình sự).
---------------------------	---

PHẦN III

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC VỀ NHẬN THỨC PHÁP LUẬT TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I- PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

Câu 1: Thế nào là “hoàn thành các thủ tục thông quan” trong hướng dẫn về tình tiết “vận chuyển, buôn bán qua biên giới” tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018?

Trả lời:

Khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018 quy định: “Vận chuyển, buôn bán qua biên giới là trường hợp người phạm tội đã hoặc đang đưa động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng ra khỏi biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển, trên không và trong lòng đất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc ngược lại. Cũng được coi là buôn bán, vận chuyển qua biên giới nếu

đã hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng”.

Theo quy định của Luật Hải quan năm 2014 thì: “Thông quan là việc hoàn thành các thủ tục hải quan để hàng hóa được nhập khẩu, xuất khẩu hoặc đặt dưới chế độ quản lý nghiệp vụ hải quan khác” (khoản 21 Điều 4), “thủ tục hải quan là các công việc mà người khai hải quan và công chức hải quan phải thực hiện theo quy định của Luật này đối với hàng hóa, phương tiện vận tải” (khoản 23 Điều 4), “hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan” (khoản 1 Điều 37). Như vậy, thủ tục hải quan là thủ tục bắt buộc trong quá trình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, theo đó, cơ quan hải quan thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật để kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Hàng hóa được thông quan trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 34 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC) (sau đây viết tắt là Thông tư số 38/2015/TT-BTC). Thủ tục hải quan được quy định cụ thể tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Hoàn thành các thủ tục thông quan đối với động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng có thể được hiểu là đã hoàn thành thủ tục hải quan trong các trường hợp sau đây:

(1) Do hàng hóa mà trong đó động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng cất giấu được miễn kiểm tra;

(2) Động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng bị bỏ sót, lọt khi kiểm tra xác suất;

(3) Do sơ suất hoặc được cất giấu tinh vi mà người có thẩm quyền không phát hiện ra động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng khi làm thủ tục thông quan;

(4) Do người có thẩm quyền trong kiểm tra thông quan có ý bỏ qua, giúp đỡ để động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng được thông quan...

Câu 2: Hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật vừa thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ vừa thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB thì bị xử lý theo điểm a khoản 1 hay điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự?

Trả lời:

Điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định: “Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể

đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác”. Theo quy định này thì chỉ áp dụng điểm d khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự để xử lý các hành vi vi phạm đối với động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES khi loài động vật đó không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Vì vậy, nếu săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật vừa thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB, vừa thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì bị xem xét xử lý theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Ví dụ: A có hành vi buôn bán trái phép tê tê Java. Theo Nghị định số 06/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021) và Nghị định số 64/2019 thì tê tê Java vừa thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB vừa thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Do vậy, hành vi của A bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 3: Xử lý như thế nào đối với các hành vi sau:

- Vận chuyển 01 cá thể gấu ngựa đã chết, bị lột da, không có giấy tờ kèm theo?

- Vận chuyển trái phép chân của cá thể gấu ngựa?

Trả lời:

1. Gấu ngựa tên khoa học là *Ursus thibetanus* vừa thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

theo Phụ lục I Nghị định số 64/2019, vừa thuộc Nhóm IB Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo Nghị định số 06/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021). Do vậy, hành vi của người nào vi phạm quy định về bảo vệ gấu ngựa mà đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự.

2. Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì cá thể là một cơ thể động vật còn sống hoặc đã chết. Do vậy, hành vi vận chuyển 01 cá thể gấu ngựa đã chết, bị lột da, không có giấy tờ kèm theo thì có thể bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

3. Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì: “*Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã)*”. Như vậy, chân của cá thể gấu ngựa là *sản phẩm của động vật* thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Vì vậy, người nào có hành vi vận chuyển trái phép chân của cá thể gấu ngựa thì có thể bị xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 4: Hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép 02 cá thể động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm, khoản nào của Điều 244 Bộ luật Hình sự?

Trả lời:

Hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép 02 cá thể voi, tê giác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép 02 cá thể động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm khác (không phải là voi, tê giác) thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: (1) nếu cả 02 cá thể động vật đều còn sống thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự; (2) nếu cả 02 cá thể động vật đều đã chết thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự; (3) nếu 01 cá thể động vật còn sống và 01 cá thể động vật đã chết thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 5: Có cộng số lượng các loài động vật thuộc các lớp khác nhau (lớp thú + lớp chim + lớp bò sát + lớp khác) với nhau để xác định trách nhiệm hình sự của đối tượng vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự không?

Trả lời:

Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định việc xử lý hình sự đối với người có hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển,

buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật thuộc các lớp thú, chim, bò sát, lớp khác với số lượng nhất định. Tuy nhiên, Bộ luật Hình sự chỉ quy định số lượng của từng lớp, không quy định cụ thể việc cộng số lượng các lớp với nhau để xác định trách nhiệm hình sự của đối tượng vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 05/2018 thì: “Trường hợp trong cùng một vụ việc, nếu thu giữ được nhiều loài động vật có cả lớp thú, lớp chim, lớp bò sát và lớp khác thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, nếu chưa đủ số lượng theo từng lớp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Hình sự, thì người có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”.

Như vậy, hiện không có cơ sở để quy đổi và cộng dồn số lượng các loài động vật thuộc các lớp khác nhau (lớp thú + lớp chim + lớp bò sát + lớp khác) với nhau để xác định trách nhiệm hình sự của đối tượng vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 6: Một người có hành vi săn bắt trái phép 02 cá thể gấu và 02 cá thể hổ. Vậy có cộng số lượng các cá thể gấu và hổ này để truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự không?

Trả lời:

Điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

c) ...; từ 03 cá thể đến 05 cá thể gấu, hổ...”.

Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự được hiểu là từ 03 đến 05 cá thể gấu; hoặc từ 03 đến 05 cá thể hổ; hoặc từ 03 đến 05 cá thể gấu và hổ. Do vậy, trường hợp một người có hành vi săn bắt trái phép 02 cá thể gấu và 02 cá thể hổ (tổng cộng 04 cá thể cả gấu và hổ) thì bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 7: Xác định *bộ phận cơ thể* không thể tách rời *sự sống* như thế nào? Vây tê tê, lá phổi hổ có phải là bộ phận cơ thể không thể tách rời *sự sống* của động vật không? Da, gan, xương của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm được xác định là bộ phận cơ thể không thể tách rời *sự sống* hay sản phẩm của động vật?

Trả lời:

1. Theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì:

“5. *Bộ phận cơ thể* không thể tách rời *sự sống* là những bộ phận thực hiện các chức năng chuyên biệt của cơ thể động vật, ngay khi tách rời những bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết (ví dụ: đầu, tim, bộ da, bộ xương, buồng gan...).

6. *Sản phẩm của động vật* hoang dã, *động vật* nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...);...”.

2. Như vậy, *bộ phận cơ thể* không thể tách rời *sự sống* được xác định theo khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018.

Việc xác định *bộ phận cơ thể* không thể tách rời *sự sống* không phụ thuộc vào việc động vật đó ốm hay khỏe mà phụ thuộc vào vai trò của bộ phận đó đối với *sự sống* của động vật.

Trường hợp tách rời bộ phận cơ thể về lâu dài có thể dẫn đến động vật chết như khiến động vật không thể săn mồi, tìm kiếm thức ăn hoặc mất đi khả năng tự vệ, chống lại bệnh tật... thì pháp luật chưa có quy định để xác định đó là bộ phận cơ thể không thể tách rời *sự sống*.

Bộ phận cơ thể không thể tách rời *sự sống* phải là bộ phận mà chỉ cần ngay khi tách rời bộ phận này khỏi cơ thể sống của động vật thì động vật đó chết. Do vậy, trường hợp phải tách rời cùng một lúc nhiều bộ phận cơ thể thứ yếu khỏi cơ thể sống của động vật mới dẫn đến động vật chết thì không coi những bộ phận đó là *bộ phận cơ thể* không thể tách rời *sự sống*.

3. Vảy tê tê là bộ phận cơ thể của cá thể động vật tê tê và chỉ khi mất một số lượng nhất định vảy thì động vật đó mới chết; do vậy, tùy từng trường hợp mà có thể coi vảy tê tê là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống. Ngoài ra, vảy tê tê cũng được xác định là sản phẩm có nguồn gốc từ động vật.

4. Phổi hổ được coi là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của cá thể động vật hổ, mặc dù nếu mất 01 lá phổi hoặc 01 phần của phổi thì động vật đó có thể chưa chết ngay, tuy nhiên cũng sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe hổ và dẫn đến hổ chết. Ngoài ra, lá phổi hổ cũng được xác định là nội tạng của cá thể động vật hổ. Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì đây cũng được coi là sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm.

5. Theo khoản 5 và khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì da, gan, xương được coi là sản phẩm của động vật; chỉ trường hợp nếu là cả bộ da, bộ xương và buồng gan thì mới coi là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống.

Câu 8: Nghị quyết số 05/2018 hướng dẫn về tình tiết “săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 244 Bộ luật Hình sự. Vậy xác định “mùa sinh sản hoặc mùa di cư” của động vật như thế nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 05/2018 quy định như sau: “Săn bắt vào thời gian bị cấm là săn bắt động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm vào mùa sinh sản hoặc mùa di cư

của chúng. Việc xác định mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài theo quy định của cơ quan có thẩm quyền”. Như vậy, mùa sinh sản, mùa di cư của từng loài được căn cứ theo thời điểm bắt đầu và kết thúc được các cơ quan chuyên môn, khoa học xác định hoặc đã có những cảnh báo, tuyên truyền của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức chuyên môn, khoa học trả lời để có căn cứ quyết định.

Chẳng hạn, theo Sách đỏ Việt Nam thì mùa đẻ trứng của rùa biển đầu to¹ (thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Phụ lục I Nghị định số 64/2019) là vào tháng 2 đến tháng 6²; hoặc mùa đẻ trứng của rùa hộp trán vàng³ (thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Phụ lục I Nghị định số 64/2019) là vào tháng 6⁴; hoặc chó sói đỏ⁵ (thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Phụ lục I Nghị định số 64/2019) sinh sản hầu như quanh năm, nhưng tập trung nhất vào các tháng 11 đến tháng 2⁶...

1, 3, 5. Xem Sách đỏ Việt Nam, Phần I. Động vật, Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2007, tr.249, 254, 52.

2. <http://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=6121>.

4. <http://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=1&loai=1&ID=5083>.

6. <http://www.vncreatures.net/chitiet.php?page=9&loai=1&ID=5529>.

Câu 9: Xử lý như thế nào đối với người mua động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (còn sống)?

Trả lời:

Trong trường hợp này, nếu đã hoàn thành hành vi khách quan là mua thì bị xem xét, xử lý theo hành vi buôn bán; nếu phát hiện ở giai đoạn đang nuôi, nhốt, giết thì xem xét, xử lý theo hành vi nuôi, nhốt, giết. Lưu ý, với cá thể động vật còn sống thì không xử lý được hành vi tàng trữ mà sẽ xử lý là hành vi nuôi, nhốt.

Câu 10: Hành vi “nấu cao” động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 234, Điều 244 Bộ luật Hình sự không?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 thì: “Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã)”. Như vậy, cao nấu từ xương động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm được coi là vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã,

động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến, là sản phẩm của động vật. Theo đó, hành vi “nấu cao” động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thì bị xem xét, xử lý về hành vi tàng trữ trái phép sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm theo quy định tại Điều 234, Điều 244 Bộ luật Hình sự nếu đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Câu 11: Xử lý như thế nào đối với hành vi xâm hại động vật vừa là động vật hoang dã theo Điều 234 Bộ luật Hình sự, vừa là động vật nguy cấp, quý, hiếm theo Điều 244 Bộ luật Hình sự (như sếu đầu đỏ (sếu cổ trụi) - tên khoa học là *Grus antigone* vừa thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo Nghị định số 64/2019, vừa thuộc Phụ lục II CITES)?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự thì: “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”. Như vậy, đối với hành vi xâm hại động vật vừa là động vật hoang dã theo Điều 234 Bộ luật Hình sự, vừa là động vật nguy cấp, quý, hiếm theo Điều 244 Bộ luật Hình sự thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 12: Người đeo 01 chiếc nanh hổ làm vật trang sức thì có bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự không?

Trả lời:

Khoản 6 Điều 2 Nghị quyết số 05/2018 quy định: “*Sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm là các loại sản phẩm có nguồn gốc từ động vật (ví dụ: thịt, trứng, sữa, tinh dịch, phôi động vật, huyết, nội tạng, da, lông, xương, sừng, ngà, chân, móng...); động vật thủy sản đã qua sơ chế, chế biến ở dạng nguyên con; vật phẩm có thành phần từ các bộ phận của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm đã qua chế biến (ví dụ: cao nấu từ xương động vật hoang dã; túi xách, ví, dây thắt lưng làm từ da động vật hoang dã)*”. Theo quy định nêu trên thì nanh hổ là sản phẩm của động vật. Nghị định số 64/2019 liệt kê hổ thuộc Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Do vậy, nanh hổ là sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Theo Điều 4 Nghị quyết số 05/2018 thì:

“1. Đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành) nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

2. Đối với hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có từ trước ngày 01/01/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính”.

Như vậy, trường hợp một người đeo 01 chiếc nanh hổ làm vật trang sức từ trước ngày 01/01/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi đeo 01 chiếc nanh hổ làm vật trang sức từ ngày 01/01/2018 thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép sản phẩm động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo điểm b khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 13: Cơ quan điều tra bắt quả tang đối tượng tàng trữ số lượng lớn ngà voi, sừng tê giác đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự sau ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, đối tượng khai đã tàng trữ từ trước ngày 01/01/2018 và chỉ để sử dụng, không có mục đích buôn bán, thu lợi. Vậy có xử lý trách nhiệm hình sự đối tượng này không?

Trả lời:

Theo Điều 4 Nghị quyết số 05/2018 thì:

“1. Đối với hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự có hiệu lực thi hành)

nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của Bộ luật Hình sự.

2. Đối với hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có từ trước ngày 01/01/2018 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính”.

Như vậy, trường hợp tàng trữ ngà voi, sừng tê giác từ trước ngày 01/01/2018, đối tượng khai chỉ để sử dụng, nếu không chứng minh được mục đích buôn bán, thu lợi thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, trong trường hợp này, việc tàng trữ một số lượng lớn ngà voi, sừng tê giác là yếu tố khách quan có thể chứng minh mục đích buôn bán của người đó. Lời khai của người tàng trữ chỉ là một nguồn chứng cứ để chứng minh mục đích tàng trữ.

Câu 14: Xử lý như thế nào đối với hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm? Pháp nhân thương mại có hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thì có bị xử lý hình sự không?

Trả lời:

1. Theo quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật

Hình sự thì hành vi khách quan của tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm không có hành vi chiếm đoạt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 05/2018 thì người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm của người khác nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự.

2. Như vậy, hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thì không xử lý theo Điều 234, Điều 244 Bộ luật Hình sự; cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần yêu cầu định giá tài sản theo Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019), nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tài sản tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự.

3. Theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Hình sự thì: “Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324 của Bộ luật này”, tức là, không bao gồm các tội phạm chiếm đoạt quy định tại Chương XVI Bộ luật Hình sự. Do đó,

trường hợp pháp nhân thương mại thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thì không bị xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi này.

4. Tuy nhiên, Nghị quyết số 05/2018 cũng nêu rõ: Trường hợp người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã hoặc tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (khoản 2 Điều 5).

Vì vậy, nếu sau khi chiếm đoạt, pháp nhân thương mại có hành vi vi phạm quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 Bộ luật Hình sự (như tàng trữ, vận chuyển hoặc buôn bán cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm) thì còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các hành vi này theo Điều 234 hoặc Điều 244 Bộ luật Hình sự.

Câu 15: Xử lý như thế nào đối với hành vi săn bắt (khai thác) động vật hoang dã là các loài thủy sản?

Trả lời:

Điểm c khoản 1 Điều 242 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ nguồn lợi

thủy sản thuộc một trong các trường hợp sau đây, gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng...

c) Khai thác loài thủy sản bị cấm khai thác, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật này”.

Khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”.

Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...”.

Như vậy, nếu săn bắt (khai thác) loài thủy sản thuộc trường hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Hình sự, tức loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Phụ lục I CITES thì có thể bị xử lý theo Điều 244 Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Trường hợp săn bắt (khai thác) loài thủy sản không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc

Phụ lục I CITES và các loài thủy sản này bị cấm khai thác; đồng thời gây thiệt hại nguồn lợi thủy sản từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thủy sản thu được trị giá từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 242 Bộ luật Hình sự hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì có thể bị xử lý theo Điều 242 Bộ luật Hình sự.

Trường hợp săn bắt (khai thác) động vật hoang dã là các loài thủy sản nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 Bộ luật Hình sự thì có thể bị xử lý theo Điều 234 Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Câu 16: Khi xử lý hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự có phải phụ thuộc vào nhận thức của bị can, bị cáo về việc đó là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm hay không?

Trả lời:

Tội phạm quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự là tội phạm có lỗi cố ý đối với hành vi, lỗi vô ý đối với hậu quả. Do vậy, khi xử lý hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 234 và Điều 244 Bộ luật Hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không phụ thuộc vào việc bị can, bị cáo có nhận thức được đó là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm hay không.

Câu 17: Xử lý như thế nào đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể của động vật hoang dã?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 234 Bộ luật Hình sự “Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 242 và Điều 244 của Bộ luật này...” thì trong trường hợp này, cần giám định để xác định loài động vật hoang dã. Trên cơ sở kết luận giám định:

- Hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I CITES mà không thuộc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ thì bị xử lý theo Điều 244 Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Trường hợp chỉ tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép “bộ phận cơ thể” khác mà không phải là bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của các loài trên thì xử lý như với “sản phẩm” của các loài này.

- Hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể của động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB hoặc Phụ lục II, III CITES, động vật rừng thông thường thì bị xử lý theo Điều 234 Bộ luật Hình sự nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Câu 18: Xử lý như thế nào đối với trường hợp buôn bán trái phép nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm nhưng số lượng mỗi loài lại thuộc các khoản khác nhau của Điều 244 Bộ luật Hình sự?

Trả lời:

Trường hợp buôn bán trái phép nhiều loài động vật nguy cấp, quý, hiếm nhưng số lượng mỗi loài lại thuộc các khoản khác nhau của Điều 244 Bộ luật Hình sự thì không thực hiện việc quy đổi, cộng dồn để truy cứu trách nhiệm hình sự, mà truy cứu trách nhiệm hình sự của người phạm tội theo khoản có khung hình phạt cao hơn.

Ví dụ: A có hành vi buôn bán trái phép 02 kg ngà voi (thuộc điểm c khoản 1), 02 kg sừng tê giác (thuộc điểm d khoản 2) và 03 cá thể tê giác (thuộc điểm c khoản 3) thì truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội theo điểm c khoản 3 Điều 244 Bộ luật Hình sự vì khoản 3 có khung hình phạt cao hơn.

II- PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Câu 1: Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nào có thẩm quyền khởi tố, điều tra vụ án về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự), tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự)?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 34 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Cơ quan Kiểm lâm khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 232, 243, 244, 245, 313 và 345 của Bộ luật Hình sự thì Cục trưởng Cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm vùng, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:...”.

Khoản 1 Điều 36 Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Cơ quan Kiểm ngư khi thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý của mình mà phát hiện tội phạm quy định tại các điều 111, 242, 244, 245, 246, 305 và 311 của Bộ luật Hình sự xảy ra trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Kiểm ngư quản lý thì Cục trưởng Cục Kiểm ngư, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư vùng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:...”.

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Kiểm ngư là những cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền khởi tố, điều tra vụ án về tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự). Đối với tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự), pháp luật không quy định cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nào được khởi tố, điều tra vụ án về tội phạm này; thẩm quyền điều tra đối với vụ án theo Điều 234 Bộ luật Hình sự chỉ thuộc về các cơ quan điều tra chuyên trách.

Câu 2: Cơ quan nào là cơ quan giám định mẫu vật các loài động vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục CITES?

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 31 và điểm d khoản 2 Điều 34 Nghị định số 06/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021) thì Cơ quan khoa học CITES Việt Nam là cơ quan giám định mẫu vật CITES. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định các cơ quan khoa học có chuyên môn và năng lực phù hợp làm Cơ quan khoa học CITES Việt Nam. Theo Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCLN, ngày 17/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì có 04 cơ quan khoa học CITES Việt Nam thực hiện giám định loài đối với các loài động vật, thủy sinh, thực vật, trong đó, đối với lĩnh vực động vật có Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Nghiên cứu Hải sản. Đồng thời, theo quy định tại Điều 20 Luật Giám định tư pháp, bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý. Theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 49/2014/TT-BNNPTNT ngày 23/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thì cơ quan chuyên môn có quyền lập danh sách để bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách người giám định tư pháp theo

vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng hình sự tại bộ, ngành, địa phương.

Câu 3: Vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thì có cần giám định ngay sau khi thu thập không?

Trả lời:

Bộ luật Tố tụng hình sự quy định việc giám định ngay đối với vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng (điểm b khoản 1 Điều 90), không có quy định phải giám định ngay đối với vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng chỉ quy định: “Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”.

Khoản 5 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định bắt buộc phải trưng cầu giám định khi cần xác định chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, không quy định bắt buộc phải trưng cầu giám định đối với động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm.

Như vậy, Bộ luật Tố tụng hình sự không có quy định về việc giám định ngay sau khi thu thập đối với vật chứng là

động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu xác định dấu hiệu tội phạm làm căn cứ cho việc khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu tiến hành tố tụng kịp thời và xử lý vật chứng theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm cần được trưng cầu giám định một cách sớm nhất khi có đủ điều kiện.

Câu 4: Thời hạn giám định đối với các loài động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm được xác định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 26a Luật Giám định tư pháp thì thời hạn giám định đối với các trường hợp để xác định động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá 1/2 thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Câu 5: Trị giá của các loài động vật hoang dã được xác định như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 215 Bộ luật Tố tụng hình sự thì khi cần xác định giá của tài sản để giải quyết vụ án hình sự thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản. Do vậy, khi cần xác định trị giá của các loài động vật hoang dã thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ra văn bản yêu cầu định giá tài sản. Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư năm 2020, loài động vật hoang dã quy định tại Phụ lục III Luật Đầu tư năm 2020 thuộc Danh mục hàng cấm đầu tư kinh doanh.

Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019) thì việc định giá tài sản không phải là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ sau: a) Giá thị trường của tài sản; b) Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định; c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp; d) Giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có); đ) Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá.

Việc định giá tài sản là hàng cấm phải dựa trên ít nhất một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau: a) Giá mua bán thu thập được trên thị trường không chính thức tại thời điểm và tại nơi tài sản là hàng cấm được yêu cầu định giá hoặc tại địa phương khác; b) Giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán

hoặc tờ khai nhập khẩu hàng cấm (nếu có); c) Giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp; d) Giá thị trường trong khu vực hoặc thế giới của hàng cấm do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo hoặc cung cấp thông tin; đ) Giá niêm yết, giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại Việt Nam; e) Giá thị trường trong khu vực và thế giới của tài sản tương tự được phép kinh doanh, lưu hành, sử dụng tại các thị trường này; g) Các căn cứ khác giúp xác định giá trị của tài sản cần định giá do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tin cậy của các căn cứ này. Các mức giá từ các nguồn thông tin nêu trên được xác định tại thời điểm và tại nơi tài sản được yêu cầu định giá. Trường hợp thu thập nguồn thông tin về mức giá tài sản tại thời điểm khác hoặc ở địa phương khác thì mức giá đó cần được điều chỉnh phù hợp về thời điểm và nơi tài sản được yêu cầu định giá. Theo quy định tại Thông tư số 30/2020/TT-BTC thì: (1) Trường hợp tại thời điểm được yêu cầu định giá không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự thì áp dụng tại thời điểm gần thời điểm được yêu cầu định giá nhưng không quá 02 năm (24 tháng) tính đến thời điểm được yêu cầu định giá. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm ghi rõ thời điểm yêu cầu định giá tại văn bản yêu cầu định giá; (2) Trường hợp tại địa điểm được yêu cầu định giá không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản

tương tự thì mở rộng phạm vi thu thập thông tin về giá theo nguyên tắc lựa chọn thu thập tại các địa điểm từ gần đến xa và có đặc điểm thị trường tương tự với địa điểm được yêu cầu định giá. Trường hợp không thu thập được các mức giá của tài sản cần định giá hoặc tài sản tương tự trong lãnh thổ Việt Nam, thì mở rộng việc thu thập giá tại khu vực và thế giới trên các trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức sản xuất, kinh doanh tại khu vực và thế giới.

Liên quan đến định giá hàng cấm, Thông tư số 30/2020/TT-BTC hướng dẫn như sau:

- Việc xác định giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019) là giá được xác định theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá còn hiệu lực đối với tài sản được thẩm định giá (điểm a khoản 3 Điều 8).

- Việc xác định giá thị trường trong khu vực hoặc thế giới của hàng cấm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019) là giá do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật nước sở tại được phép thông báo, cung cấp thông tin hoặc công bố công khai trên các trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan, tổ chức này theo quy định của pháp luật nước sở tại (điểm b khoản 3 Điều 8).

- Đối với tài sản là hàng cấm, khi Hội đồng định giá lựa chọn hình thức khảo sát giá trên thị trường không chính thức (nếu có), Hội đồng định giá tiến hành khảo sát tại nơi tài sản là hàng cấm được yêu cầu định giá hoặc tại địa điểm khác có diễn ra giao dịch mua bán hàng cấm. Trường hợp khai thác thông tin trên các trang thông tin điện tử trong khu vực và trên thế giới, giá của hàng cấm được xác định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8 Thông tư này (điểm a khoản 2 Điều 10).

- Đối với tài sản là hàng cấm, Hội đồng định giá đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phối hợp, thống nhất xác định địa điểm và đối tượng khảo sát, thu thập thông tin về mức giá tài sản trên thị trường không chính thức (điểm d1 khoản 2 Điều 10).

- Đối với tài sản là hàng cấm, trường hợp cần thiết, Hội đồng định giá đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cử đại diện cùng thực hiện khảo sát giá (điểm d2 khoản 2 Điều 10).

Câu 6: Đối với động vật hoang dã là hàng cấm nhưng Hội đồng định giá tài sản ở địa phương từ chối định giá thì xử lý như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019) thì Hội đồng định giá tài sản có quyền: “Từ chối thực hiện định giá

tài sản trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành định giá; không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá; các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để định giá; nội dung yêu cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình”. Do vậy, trường hợp Hội đồng định giá tài sản từ chối định giá theo đúng quy định của pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần yêu cầu Hội đồng định giá tài sản khác để bảo đảm căn cứ giải quyết vụ án, vụ việc. Việc định giá hàng cấm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2018 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2019) và hướng dẫn tại Thông tư số 30/2020/TT-BTC.

Câu 7: Quá trình điều tra, xử lý tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự), tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự) có thể được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 224 Bộ luật Tố tụng hình sự thì:

“Có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với các trường hợp:

1. Tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng, tội khủng bố, tội rửa tiền;
2. Tội phạm khác có tổ chức thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Điều 234 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù cao nhất đến 12 năm, thuộc loại tội rất nghiêm trọng; Điều 244 Bộ luật Hình sự có mức hình phạt tù cao nhất đến 15 năm, thuộc loại tội rất nghiêm trọng. Đây chỉ là các tội rất nghiêm trọng, không phải là tội đặc biệt nghiêm trọng.

Do vậy, quá trình điều tra, xử lý tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự), tội Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự) không được áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Câu 8: “Cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là cơ quan nào?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì: “Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”.

Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2018 quy định như sau:

“1. Việc xử lý vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng được thực hiện như sau:

a) Vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

b) Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;...”.

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 06/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021) thì:

“1. Xử lý mẫu vật sống:

a) Việc xử lý tịch thu phải chăm sóc mẫu vật, tránh rủi ro để mẫu vật bị chết;

b) Ngay sau xử lý mẫu vật theo quy định của pháp luật phải bàn giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại để tổ chức chăm sóc và bảo quản mẫu vật. Đối với mẫu vật sống xử lý theo thứ tự ưu tiên sau: Thả lại môi trường tự nhiên phù hợp với sinh cảnh và phân bố tự nhiên của loài nếu mẫu vật khỏe mạnh; hoặc chuyển giao cho cơ sở cứu hộ động vật, vườn động vật hoặc vườn thực vật nếu mẫu vật yếu cần cứu hộ hoặc tiêu hủy.

2. Mẫu thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này xử lý như sau:

a) Mẫu vật các loài Nhóm IA, IB thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công;

b) Mẫu vật các loài Nhóm IIA, IIB chuyển giao cho tổ chức khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành để trưng bày vì mục đích giáo dục bảo tồn; bán đấu giá cho tổ chức, cá nhân nuôi, trồng, chế biến, kinh doanh theo quy định của pháp luật; hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thể thực hiện các biện pháp xử lý khác”.

Theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 06/2019 (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 84/2021) thì:

“1. Xử lý mẫu vật động vật sống, thực vật sống bị tịch thu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Xử lý mẫu vật bị tịch thu và có kết luận của cơ quan kiểm dịch xác nhận là mang dịch bệnh truyền nhiễm thì thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

3. Mẫu vật bị tịch thu có nguồn gốc nước ngoài xử lý như sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân trả lại mẫu vật cho nước xuất xứ, hoặc từ chối tiếp nhận lô hàng nhập khẩu thì Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thực hiện việc cấp giấy phép tái xuất khẩu mẫu vật cho nước xuất khẩu theo quy định của Công ước CITES và pháp luật Việt Nam.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam thông báo bằng văn bản đến Cơ quan quản lý CITES của nước xuất xứ về mẫu vật vi phạm mà Cơ quan quản lý CITES nước xuất xứ từ chối tiếp nhận,

hoặc không phản hồi, hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Công ước CITES thì mẫu vật được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công và theo các nguyên tắc sau:

Mẫu vật thuộc Phụ lục I CITES chỉ được sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học, trưng bày giáo dục môi trường, đào tạo, tập huấn, thực thi pháp luật hoặc lưu kho hoặc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Mẫu vật thuộc Phụ lục II, III CITES được phép bán đấu giá cho các tổ chức, cá nhân sử dụng không vì mục đích thương mại.

b) Đối với các mẫu vật bị tịch thu trong trường hợp không có nơi cất giữ đảm bảo thì cơ quan bắt giữ lập biên bản, chuyển giao cho cơ quan Kiểm lâm sở tại đối với mẫu vật thực vật rừng, động vật rừng; cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh đối với mẫu vật các loài thủy sản; cơ sở có khả năng cứu hộ đối với mẫu vật sống hoặc cơ quan kiểm dịch động vật, thực vật gần nhất để xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, phù hợp với Công ước CITES”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận động vật rừng là vật chứng của vụ án hình sự chuyển giao theo quyết định xử lý vật chứng gồm cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật.

Theo các quy định nêu trên thì cơ quan quản lý chuyên ngành có thể gồm các cơ quan: (1) Cơ quan Kiểm lâm sở tại; (2) Trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia; (3) Tổ chức khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành; (4) Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam; (5) Cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh; (6) Cơ sở có khả năng cứu hộ đối với mẫu vật sống hoặc cơ quan kiểm dịch động vật, thực vật gần nhất; (7) Cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật; (8) Cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

Câu 9: “Cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản” theo khoản 2 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT gồm những cơ sở nào?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định: “Trường hợp cơ quan tạm giữ không có điều kiện nuôi dưỡng, bảo quản động vật rừng thì chuyển giao động vật rừng cho cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản trong thời gian chờ quyết định xử lý của người có thẩm quyền...”.

Khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT quy định về cơ quan, đơn vị tiếp nhận động vật rừng là tang vật vi phạm hành chính chuyển giao theo phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân và cơ quan, đơn vị tiếp nhận động vật rừng là vật chứng của vụ án hình sự chuyển giao theo quyết định xử lý vật chứng.

Theo các quy định nêu trên thì cơ sở có điều kiện nuôi dưỡng, bảo quản có thể gồm các cơ sở: (1) Cơ quan Kiểm lâm sở tại tiếp nhận động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm chuyển giao theo phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đã được phê duyệt do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã bắt giữ trên địa bàn quyết định tịch thu; (2) Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh tiếp nhận động vật rừng thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm chuyển giao theo phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đã được phê duyệt do cơ quan, người có thẩm quyền cấp tỉnh hoặc trung ương bắt giữ trên địa bàn quyết định tịch thu; (3) Cơ sở cứu hộ động vật rừng, vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành, ban quản lý rừng đặc dụng có cơ sở cứu hộ động vật.

Câu 10: Có được xử lý vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm khi vụ án bị tạm đình chỉ hoặc khi chưa có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bản án của Tòa án không?

Trả lời:

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì: “3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:... d) Vật chứng là động vật hoang dã và thực vật ngoại lai thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho

cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-BTP, ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp Quy định phối hợp thực hiện một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự về quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ thì: “Việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 90 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ có tính chất phức tạp thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi, thống nhất bằng văn bản biện pháp xử lý trước khi ra quyết định xử lý”. Như vậy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, vật chứng là động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm có thể được xử lý khi vụ án bị tạm đình chỉ hoặc khi chưa có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bản án của Tòa án. Việc chuyển giao xử lý có thể tiến hành sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhận được kết luận giám định để xác định động vật hoang dã bị thu giữ có phải là các loài được bảo vệ hay không. Việc xử lý vật chứng phải tuân thủ quy định của Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 7 Nghị quyết số 05/2018 và hướng dẫn tại

Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT. Trong thời gian chờ kết luận giám định, cơ quan tạm giữ có trách nhiệm nuôi dưỡng, bảo quản động vật hoặc chuyển giao động vật cho cơ sở có điều kiện để nuôi dưỡng, bảo quản nếu không có điều kiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT.

PHỤ LỤC I

DANH MỤC ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM THEO ĐIỀU 234 VÀ ĐIỀU 244 BỘ LUẬT HÌNH SỰ

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	LỚP THÚ	MAMMALIA				
	BỘ LINH TRƯỞNG	PRIMATES				
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i> (<i>N. coucang</i>)	IB	Có	I	Có
2	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	IB	Có	I	Có
3	Khỉ đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	IIB	Không	II	Không
4	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i> (<i>M. nemestrina</i>)	IIB	Không	II	Không

* Tra cứu loài thuộc các Phụ lục CITES cập nhật tại:
<https://checklist.cites.org/#/en>.

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
5	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	IIB	Không	II	Không
6	Khỉ mốc	<i>Macaca assamensis</i>	IIB	Không	II	Không
7	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	IIB	Không	II	Không
8	Vọc bạc Đông Dương (hoặc Vọc bạc)	<i>Trachypithecus germaini</i> (<i>T. villosus</i>)	IB	Có	II	Có
9	Vọc bạc Trường Sơn	<i>Trachypithecus margarita</i>	IB	Có	Không	Có
10	Vọc Cát Bà (Vọc đen đầu vàng)	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>	IB	Có	II	Có
11	Vọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	IB	Có	I	Có
12	Vọc chà vá chân đỏ/Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	IB	Có	I	Có
13	Vọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	IB	Có	I	Có
14	Vọc đen Hà Tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	IB	Có	II	Có
15	Vọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	IB	Có	II	Có
16	Vọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	IB	Có	I	Có
17	Vọc quần đùi trắng/mông trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	IB	Có	II	Có
18	Vọc xám	<i>Trachypithecus crepusculus</i> (<i>T. phayrei</i>)	IB	Có	II	Có
19	Vượn cao vút	<i>Nomascus nasutus</i>	IB	Có	I	Có

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
20	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus (Hylobates) leucogenys</i>	IB	Có	I	Có
21	Vượn đen má vàng/ má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	IB	Có	I	Có
22	Vượn đen tuyền Tây Bắc	<i>Nomascus (Hylobates) concolor</i>	IB	Có	I	Có
23	Vượn đen siki	<i>Nomascus leucogenys siki</i>	IB	Có	I	Có
24	Vượn má vàng Trung Bộ	<i>Nomascus annamensis</i>	IB	Có	I	Có
	THÚ ẨM THỊT	CARNIVORA				
25	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	IB	Có	I	Có
26	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	IB	Có	I	Có
27	Báo lửa (Beo vàng; Beo lửa)	<i>Catopuma (Felis) temminckii</i>	IB	Có	I	Có
28	Cáo lửa	<i>Vulpes vulpes</i>	IB	Không	Không	Không
29	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>	IB	Có	I	Có
30	Cầy giông	<i>Viverra zibetha</i>	IIB	Không	Không	Không
31	Cầy giông đốm lớn	<i>Viverra megaspila</i>	IB	Có	Không	Không
32	Cầy hương	<i>Viverricula indica</i>	IIB	Không	Không	Không
33	Cầy rái cá	<i>Cynogale bennettii</i>	Không	Không	II	Không
34	Cầy tai trắng	<i>Arctogalidia trivirgata</i>	IIB	Không	Không	Không
35	Lửng lợn	<i>Arctonyx collaris</i>	IIB	Không	Không	Không
36	Lửng chó	<i>Nyctereutes procyonoides</i>	IIB	Không	Không	Không
37	Cầy vằn bắc	<i>Chrotogale owstoni</i>	IB	Có	Không	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
38	Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>	IIB	Không	Không	Không
39	Cầy vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>	IIB	Không	III	Không
40	Chó rừng	<i>Canis aureus</i>	IB	Không	III	Không
41	Chồn mực/Cầy mực (Cầy đen)	<i>Arctictis binturong</i>	IB	Có	III	Không
42	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	IB	Có	I	Có
43	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	IB	Có	I	Có
44	Hổ Đông Dương	<i>Panthera tigris</i>	IB	Có	I	Có
45	Mèo cá	<i>Prionailurus (Felis) viverrinus</i>	IB	Có	II	Có
46	Mèo gấm	<i>Pardofelis (Felis) marmorata</i>	IB	Có	I	Có
47	Mèo ri	<i>Felis chaus</i>	IIB	Không	II	Không
48	Mèo rừng	<i>Prionailurus (Felis) bengalensis</i>	IIB	Không	II	Không
49	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	IB	Có	II	Có
50	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale (Lutra) perspicillata</i>	IB	Có	I	Có
51	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	IB	Có	I	Có
52	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx (Aonyx) cinereus (A. cinerea)</i>	IB	Có	I	Có
53	Sói đỏ /Chó sói lửa	<i>Cuon alpinus</i>	IB	Có	II	Có
54	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>	Không	Không	III	Không
55	Triết chỉ lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>	IIB	Không	Không	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ CÓ VÒI	PROBOSCIDEA				
56	Voi châu Á	<i>Elephas maximus</i>	IB	Có	I	Có
	BỘ MÓNG GUỐC LẺ	PERISSODACTYLA				
57	Tê giác một sừng	<i>Rhinoceros sondaicus</i>	IB	Có	I	Có
58	Tê giác hai sừng	<i>Dicerorhinus sumatrensis</i>	Không	Không	I	Không
	BỘ MÓNG GUỐC CHẼN	ARTIODACTYLA				
59	Bò rừng	<i>Bos javanicus</i>	IB	Có	Không	Có
60	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	IB	Có	I	Có
61	Bò xám	<i>Bos sauveli</i>	Không	Có	I	Không
62	Cheo cheo	<i>Tragulus javanicus</i>	IIB	Không	Không	Không
63	Cheo cheo lưng bạc	<i>Tragulus versicolor</i>	IIB	Không	Không	Không
64	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>	IB	Có	III	Có
65	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>	IB	Có	II	Có
66	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	IB	Có	I	Có
67	Mang pù hoạt	<i>Muntiacus puhoatensis</i> (<i>Muntiacus rooseveltorum</i>)	IIB	Không	Không	Không
68	Mang Trường Sơn	<i>Muntiacus truongsonensis</i>	IB	Có	Không	Có
69	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	IIB	Không	Không	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
70	Nai cà tong	<i>Cervus (Rucervus) eldii</i>	IB	Có	I	Có
71	Sao la	<i>Pseudoryx nghetinhensis</i>	IB	Có	I	Có
72	Sơn dương	<i>Naemorhedus (Capricornis) sumatraensis</i>	IB	Có	I	Có
73	Trâu rừng	<i>Bubalus arnee</i>	Không	Không	III	Không
	BỘ TÊ TÊ	PHOLIDOTA				
74	Tê tê Java	<i>Manis javanica</i>	IB	Có	I	Có
75	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>	IB	Có	I	Có
	BỘ THỎ RỪNG	LAGOMORPHA				
76	Thỏ rừng	<i>Lepus sinensis</i>	IIB	Không	Không	Không
77	Thỏ vằn	<i>Nesolagus timminsi</i>	IB	Có	Không	Có
	BỘ Gặm Nhấm	RODENTIA				
78	Chuột đá	<i>Laonastes aenigmamus</i>	IIB	Không	Không	Không
79	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>	IIB	Không	Không	Không
80	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	IIB	Không	II	Không
	BỘ Dơi	CHIROPTERA				
81	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus</i>	IIB	Không	II	Không
82	Dơi ngựa ly-lei	<i>Pteropus lylei</i>	IIB	Không	II	Không
83	Dơi ngựa bé	<i>Pteropus hypomelanus</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ CÁNH DA	DERMOPTERA				
84	Chồn bay (Cây bay; Chồn dơi)	<i>Cynocephalus variegatus</i>	IB	Có	Không	Không
	BỘ CÁ VOI	CETACEA				
85	Cá heo trắng Trung Hoa	<i>Sousa chinensis</i>	Không	Có	I	Có
	BỘ HẢI NGƯU	SIRENIA				
86	Bò biển	<i>Dugong dugon</i>	Không	Có	I	Không
	LỚP CHIM	AVES				
	BỘ BỒ NÔNG	PELECANIFORMES				
87	Bồ nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	IB	Có	Không	Có
88	Cò mỏ thìa	<i>Platalea minor</i>	IB	Có	Không	Có
89	Cò trắng Trung Quốc	<i>Egretta eulophotes</i>	IB	Có	Không	Có
90	Điêng điếng/Cổ rắn	<i>Anhinga melanogaster</i>	IB	Có	Không	Có
91	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	IB	Có	Không	Có
92	Hạc xám	<i>Mycteria cinerea</i>	IB	Không	I	Có
93	Quắm cánh xanh	<i>Pseudibis davisoni</i>	IB	Có	Không	Có
94	Quắm đầu đen (Cò quắm đầu đen)	<i>Threskiornis melanocephala</i>	IIB	Không	Không	Không
95	Quắm lớn	<i>Thaumabitis (Pseudibis) gigantea</i>	IB	Có	Không	Có
96	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>	IB	Có	Không	Có

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ BỒ CÂU	COLUMBIFORMES				
97	Bồ câu nâu	<i>Columba punicea</i>	IIB	Không	Không	Không
98	Bồ câu ni cô ba	<i>Caloenas nicobarica</i>	IB	Không	I	Có
	BỘ CẮT	FALCONIFORMES				
99	Các loài trong bộ Cắt	<i>Falconiformes spp.</i> (trừ loài <i>Falco peregrinus</i> đã liệt kê trong nhóm IB)	IIB	Không	II	Không
100	Cắt lớn	<i>Falco peregrinus</i>	IB	Không	I	Có
101	Cắt nhỏ hông trắng	<i>Polihierax insignis</i>	IIB	Không	II	Không
102	Đại bàng đen	<i>Aquila clanga</i>	Không	Không	II	Không
103	Diều cá bé	<i>Ichthyophaga humilis</i>	Không	Không	II	Không
104	Diều cá lớn	<i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>	Không	Không	II	Không
105	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>	Không	Không	II	Không
	BỘ ỨNG	ACCIPITRIFORMES				
106	Các loài trong bộ Ưng	<i>Accipitriformes spp.</i> (trừ các loài <i>Aquila heliaca</i> , <i>Gyps indicus</i> , <i>Gyps bengalensis</i> và <i>Sarcogyps calvus</i> đã liệt kê trong nhóm IB)	IIB	Không	Không	Không
107	Đại bàng đầu nâu	<i>Aquila heliaca</i>	IB	Không	I	Có
108	Kền kền Ấn Độ	<i>Gyps indicus</i>	IB	Không	II	Có

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
109	Kền kền Ben gan	<i>Gyps bengalensis</i>	IB	Không	II	Có
110	Ó tai	<i>Sarcogyps calvus</i>	IB	Không	II	Không
	BỘ CÚ	STRIGIFORMES				
111	Các loài trong bộ Cú Strigiformes	Strigiformes spp.	IIB	Không	II	Không
112	Cú lợn lưng nâu	<i>Tyto capensis</i>	Không	Không	II	Không
113	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>	Không	Không	II	Không
114	Dù di phương Đông	<i>Ketupa zeylonensis</i>	Không	Không	II	Không
	BỘ GÀ	GALLIFORMES				
115	Các loài Gà so thuộc giống Arborophila, Lophura	<i>Arborophila</i> spp. <i>Lophura</i> spp. (trừ loài <i>Arborophila davidi</i> đã liệt kê ở nhóm IB)	IIB	Không	Không	Không
116	Cồng	<i>Pavo muticus</i>	IB	Có	II	Không
117	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	IB	Có	I	Có
118	Gà lôi tía	<i>Tragopan temminckii tonkinensis</i>	IB	Có	Không	Có
119	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	IB	Không	Không	Có
120	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>	IB	Có	Không	Có
121	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila charltonii</i>	IIB	Không	Không	Không
122	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	IB	Có	II	Có
123	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	IB	Có	II	Có
124	Trĩ sao	<i>Rheinardia ocellata</i>	IB	Có	I	Có

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ HẠC	CICONIIFORMES				
125	Già đầy lớn	<i>Leptoptilos dubius</i>	IIB	Không	Không	Không
126	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>	IB	Có	Không	Có
127	Hạc đen	<i>Ciconia nigra</i>	IIB	Không	II	Không
	BỘ NGŨNG	ANSERIFORMES				
128	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>	IB	Có	I	Có
129	Vịt đầu đen	<i>Aythya baeri</i>	IIB	Không	Không	Không
130	Vịt mỏ nhọn	<i>Mergus squamatus</i>	IIB	Không	Không	Không
	BỘ RỄ/ CHOẮT	CHARADRIIFORMES				
131	Choắt lớn mỏ vàng	<i>Tringa guttifer</i>	IB	Có	I	Có
132	Rẽ mỏ thìa	<i>Calidris pygmeus</i>	IB	Có	Không	Không
	BỘ SẢ	CORACIIFORMES				
133	Các loài trong họ Hồng hoàng	<i>Bucerotidae</i> spp. (trừ các loài <i>Buceros bicornis</i> , <i>Aceros nipalensis</i> , <i>Rhyticeros undulatus</i> và <i>Anorrhinus austeni</i> thuộc Nhóm IB)	IIB	Không		Không
134	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	IB	Có	I	Có
135	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	IB	Có	I	Có
136	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	IB	Có	II	Có
137	Niệc nâu	<i>Anorrhinus tickelli</i>	IB	Có	II	Có

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ SẾ	PASSERIFORMES				
138	Các loài thuộc giống Garrulax, Trochalopteron, Pterorhinus, Lanthocincla	<i>Garrulax spp.</i> , <i>Trochalopteron spp.</i> , <i>Pterorhinus spp.</i> , <i>Lanthocincla spp.</i>	IIB	Không		Không
139	Các loài thuộc giống Pitta, Hydronis	<i>Pitta spp.</i> , <i>Hydronis spp.</i>	IIB	Không		Không
140	Đuôi cụt bụng đỏ	<i>Pitta nympha</i>	IIB	Không	II	Không
141	Khuống cánh đỏ	<i>Garrulax formosus</i>	IIB	Không	Không	Không
142	Khuống đầu đen	<i>Garrulax milleti</i>	IIB	Không	Không	Không
143	Khuống đầu đen má xám	<i>Garrulax yersini</i>	IB	Không	Không	Không
144	Khuống đầu xám	<i>Garrulax vassali</i>	IIB	Không	Không	Không
145	Khuống đuôi đỏ	<i>Garrulax formosus greenwayi</i>	IIB	Không	Không	Không
146	Khuống Ngọc Linh	<i>Garrulax ngoclinhensis</i>	IB	Có	Không	Không
147	Khuống Konkakinh	<i>Lanthocincla konkakinhensis</i>	IB	Không	Không	Không
148	Khuống ngực dốm	<i>Garrulax merulinus</i>	IIB	Không	Không	Không
149	Kim oanh mỏ đỏ	<i>Leiothrix lutea</i>	IIB	Không	II	Không
150	Kim oanh tai bạc	<i>Leiothrix argentea</i>	IIB	Không	II	Không
151	Mì núi bà	<i>Laniellus langbianis</i>	IB	Không	Không	Không
152	Sẻ đồng ngực vàng	<i>Emberiza aureola</i>	IIB	Không	Không	Không
153	Yểng (Nhông)	<i>Gracula religiosa</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
	BỘ SẾU	GRUIFORMES				
154	Chân bơi	<i>Heliopais personata</i>	IIB	Không	Không	Không
155	Sếu đầu đỏ (Sếu cổ trụi)	<i>Grus antigone</i>	IB	Có	II	Có
	BỘ Ô TÁC	OTIDIFORMES				
156	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	IB	Có	I	Có
	BỘ VỆT	PSITTACIFORMES				
157	Các loài Vẹt thuộc giống Psittacula	<i>Psittacula spp.</i>	IIB	Không	II	Không
158	Vẹt đầu hồng	<i>Psittacula roseata</i>	IIB	Không	II	Không
159	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula finschii</i>	IIB	Không	II	Không
160	Vẹt lùn	<i>Loriculus vernalis</i>	IIB	Không	II	Không
161	Vẹt má vàng	<i>Psittacula eupatria</i>	IIB	Không	II	Không
162	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	IIB	Không	II	Không
	LỚP BÒ SÁT	REPTILIA				
	BỘ CÓ VẢY	SQUAMATA				
163	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	IIB	Không	II	Không
164	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus</i> (<i>V. bengalensis</i>)	IB	Không	I	Có
165	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	IB	Có	II	Có
166	Rắn hổ mang một mắt kính	<i>Naja kaouthia</i>	IIB	Không	II	Không
167	Rắn hổ mang thường	<i>Naja naja</i>	Không	Không	II	Không
168	Rắn hổ mang Trung Quốc	<i>Naja atra</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
169	Rắn hổ mang Xiêm	<i>Naja siamensis</i>	IIB	Không	II	Không
170	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	IIB	Không	II	Không
171	Tắc kè đuôi vàng	<i>Cnemaspis psychedelica</i>	IB	Có	I	Có
172	Tắc kè hoa	<i>Gekko gecko</i>	IIB	Không	II	Không
173	Các loài Thạch sùng mí thuộc giống <i>Goniurosaurus</i>	<i>Goniurosaurus</i> spp.	IIB	Không	II	Không
174	Thằn lằn cá sấu	<i>Shinisaurus crocodilurus</i>	IB	Có	I	Có
175	Trăn cộc	<i>Python curtus</i>	IIB	Không	II	Không
176	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	IIB	Không	II	Không
177	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	IIB	Không	II	Không
	BỘ RÙA	TESTUDINES				
178	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri</i>	IIB	Không	II	Không
179	Ba ba Nam Bộ/Cua đỉnh	<i>Amyda cartilaginea</i>	IIB	Không	II	Không
180	Giải khổng lồ	<i>Pelochelys cantorii</i>	IB	Có	II	Có
181	Giải Sinhoe	<i>Rafetus swinhoei</i>	IB	Có	II	Có
182	Rùa Ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	IIB	Không	II	Không
183	Rùa Batagua miền Nam	<i>Batagur affinis</i>	IB	Không	I	Có
184	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>	IIB	Không	II	Không
185	Rùa câm	<i>Mauremys mutica</i>	IIB	Không	II	Không
186	Rùa cổ bự	<i>Siebenrockiella crassicolis</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
187	Rùa đầm cổ đỏ	<i>Mauremys nigricans</i>	IIB	Không	II	Không
188	Rùa đất châu Á	<i>Cyclemys dentata</i>	IIB	Không	II	Không
189	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	IIB	Không	II	Không
190	Rùa răng	<i>Heosemys annandalii</i>	IIB	Không	II	Không
191	Rùa đất Pulkín	<i>Cyclemys pulchristriata</i>	IIB	Không	II	Không
192	Rùa đất Sêpôn	<i>Cyclemys oldhami</i>	IIB	Không	II	Không
193	Rùa đất Spengleri	<i>Geoemyda spengleri</i>	IIB	Không	II	Không
194	Rùa đầu to	<i>Platysternum megacephalum</i>	IB	Có	I	Có
195	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata (Cuora cyclomata)</i>	IB	Có	II	Không
196	Rùa hộp Buarê (Rùa hộp trán vàng miền Trung)	<i>Cuora bourreti</i>	IB	Có	I	Có
197	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	IIB	Không	II	Không
198	Rùa hộp trán vàng miền Bắc	<i>Cuora galbiniifrons</i>	IB	Có	II	Có
199	Rùa hộp Việt Nam (Rùa hộp trán vàng miền Nam)	<i>Cuora picturata</i>	IB	Có	I	Có
200	Rùa Sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>	IIB	không	II	Không
201	Rùa Trung Bộ	<i>Mauremys annamensis</i>	IB	Có	I	Có
202	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	IIB	Không	II	Không
203	Rùa núi viễn	<i>Manouria impressa</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
204	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	Không	Có	I	Không
205	Rùa biển đầu to (Quần Đông)	<i>Caretta caretta</i>	Không	Có	I	Không
206	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	Không	Có	I	Không
207	Đồi mồi dừa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	Không	Có	I	Không
208	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	Không	Có	I	Không
	BỘ CÁ SẤU	CROCODYLIA				
209	Cá sấu hoa cà (Cá sấu nước lợ)	<i>Crocodylus porosus</i>	IB	Không	I	Có
210	Cá sấu Xiêm (Cá sấu nước ngọt)	<i>Crocodylus siamensis</i>	IB	Không	I	Có
	LỚP ẾCH NHÁI	AMPHIBIA				
	BỘ CÓ ĐUÔI	CAUDATA				
211	Các loài cá Cóc thuộc giống <i>Paramesotriton</i>	<i>Paramesotriton</i> spp.	IIB	Không	II	Không
212	Các loài cá Cóc thuộc giống <i>Tylostotriton</i>	<i>Tylostotriton</i> spp.	IIB	Không	II	Không
	LỚP CÔN TRÙNG	INSECTA				
	BỘ CÁNH VÂY	LEPIDOPTERA				
213	Bướm phượng cánh chim chấm liền	<i>Troides helena cerberus</i>	IIB	Không	II	Không
214	Bướm phượng cánh chim chấm rời	<i>Troides aeacus aeacus</i>	IIB	Không	II	Không

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học	Nghị định số 84/2021	Nghị định số 64/2019	Phụ lục CITES*	Luật Đầu tư năm 2020
215	Bướm phượng đuôi kiếm răng nhọn	<i>Teinopalpus aureus aureus</i>	IIB	Không	II	Không
216	Bướm phượng đuôi kiếm răng tù	<i>Teinopalpus imperialis imperialis</i>	IIB	Không	II	Không
	BỘ CÁNH CỨNG	COLEOPTERA				
217	Cua bay đen	<i>Cheirotonus jansonii</i>	IIB	Không	Không	Không
218	Cua bay Việt Nam	<i>Cheirotonus battareli</i>	IIB	Không	Không	Không

Lưu ý:

- Phụ lục CITES thường xuyên được cập nhật, do đó, nên tra cứu tại đường dẫn <https://checklist.cites.org/#/en> để bảo đảm tính chính xác.

- Việc tra cứu theo Danh mục tại Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT, ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES là chưa bảo đảm tính cập nhật.

- Đánh vào ô trống rồi ấn vào phím “Search” để tìm kết quả. Nên tra cứu theo tên khoa học của loài đó để bảo đảm đúng loài mà không cần dịch sang tiếng Anh.

PHỤ LỤC II

MỘT SỐ CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN CÓ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

I- CẤP TRUNG ƯƠNG

STT	Cơ quan	Thông tin liên hệ
1	Tòa án nhân dân tối cao, Vụ 1	Số 48 Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: 024 3934 9987
2	Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Vụ 3	Số 9 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3825 5058
3	Bộ Công an, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường	Số 499 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội Hotline: 1800588876
4	Cục Kiểm lâm	Số 2 Ngọc Hà, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội Hotline: 097 6570 112

STT	Cơ quan	Thông tin liên hệ
5	Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	Số 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: +84-4-38360169 Fax: +84-4-38361196 Email: iebr@iebr.ac.vn
6	Tổng cục Hải quan	Số 9 Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội Điện thoại: 024 3944 0833 Hotline: 19009299
7	Cục Kiểm ngư	Số 10 Nguyễn Công Hoan, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: 024 6288 1555
8	Cục Thú y	Số 15/78 Giải Phóng, Phương Mai, Đống Đa Hà Nội Điện thoại: 024 3869 6788 Fax: 024 3869 1311 Email: vanphongcuc@dah.gov.vn
9	Tổng cục Quản lý thị trường	Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: 024 3825 5868-101 Fax: +84-24-39342726
10	Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES	Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: 024 3843 8792 Fax: 024 3843 8793
11	Tổng cục Lâm nghiệp	Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: 024 3843 8792 Fax: 024 3843 8793 Email: tonghop@vnforest.gov.vn

- II- CẤP ĐỊA PHƯƠNG
- A. CƠ QUAN (tỉnh/huyện)
1. Tòa án nhân dân

2. Viện kiểm sát nhân dân

3. Công an

4. Chi cục/Hạt Kiểm lâm

5. Cục/Chi cục Hải quan

6. Cục/Chi cục Quản lý thị trường tỉnh

7. Cục/Chi cục Kiểm ngư

8. Sở/Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

9. Sở/Phòng Tài nguyên và Môi trường

B. TRUNG TÂM CỨU HỘ

STT	Tên	Liên hệ
1	Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội	Đồng Doi, Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội Điện thoại: 024 3885 0294
2	Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật - Vườn quốc gia Cúc Phương	Vườn quốc gia Cúc Phương, Nho Quan, Ninh Bình Điện thoại: 022 9384 8002
3	Trạm cứu hộ động vật hoang dã Củ Chi, Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Ấp Chợ Cũ II, An Nhơn Tây, Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 028 3794 7045

STT	Tên	Liên hệ
4	Thảo Cầm Viên Sài Gòn	Số 2 Nguyễn Bình Khiêm, Bến Ngé, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 028 3910 1438
5	Vườn quốc gia Cát Tiên (bao gồm: Trung tâm Cứu hộ Bảo tồn và Phát triển sinh vật; Trung tâm Cứu hộ linh trưởng Đào Tiên; Trạm Cứu hộ gấu và thú họ mèo)	Vườn quốc gia Cát Tiên, Tân Phú, Đồng Nai Điện thoại: 025 1366 9228
6	Trạm Đa dạng sinh học Mê Linh, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật	Hoàng Hoa Thám, Ngọc Thanh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc Điện thoại: 083 320 3388
7	Trạm cứu hộ động vật hoang dã Hòn Me	Ấp Hòn Me, Thổ Sơn, Hòn Đất, Kiên Giang Điện thoại: 02973 787 540
8	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vườn thú Hà Nội	Thủ Lệ, Ba Đình, Hà Nội Điện thoại: 0243 766 3439
9	Trung tâm Cứu hộ gấu Tam Đảo	Quốc lộ 2B, Hợp Châu, Tam Đảo, Vĩnh Phúc Điện thoại: 0211 353 9279/024 3928 9264
10	Trung tâm Cứu hộ gấu Four Paws International Ninh Bình	Bản Sầm, Kỳ Phú, Nho Quan, Ninh Bình Điện thoại: 0229 3666 388
11	Trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng	Sơn Trạch, Bố Trạch, Quảng Bình Điện thoại: 091 507 4036

STT	Tên	Liên hệ
12	Trung tâm Bảo tồn voi rừng Đăk Lăk	Ea Wer, Buôn Đôn, Đăk Lăk Điện thoại: 026 2378 978
13	Trung tâm Cứu hộ động vật, Vườn quốc gia Pù Mát	Chi Khê, Con Cuông, Nghệ An Điện thoại: 023 8387 3154
14	Trung tâm Cứu hộ rùa biển và sinh vật biển, Vườn quốc gia Núi Chúa	Thái An, Vĩnh Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận Điện thoại: 025 9387 3444 Email: bqlvqgnc@ninhthuan.gov.vn
15	Trung tâm Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật, Vườn quốc gia Bù Gia Mập	Bù Lư, Bù Gia Mập (xã), Bù Gia Mập (huyện), Bình Phước Điện thoại: 098 862 4258

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	7
Lời giới thiệu	9
Danh mục từ viết tắt	13
PHẦN I	
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢNG CHỈ DẪN P2P	17
PHẦN II	
NỘI DUNG BẢNG CHỈ DẪN P2P	21
Các tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, động vật nguy cấp, quý, hiếm	21
1. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã (Điều 234 Bộ luật Hình sự)	21
2. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244 Bộ luật Hình sự)	33
Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	44
3. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190 Bộ luật Hình sự)	44
4. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191 Bộ luật Hình sự)	51

Các tội phạm về môi trường	59
5. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người (Điều 240 Bộ luật Hình sự)	59
6. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật (Điều 241 Bộ luật Hình sự)	64
7. Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242 Bộ luật Hình sự)	70
8. Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245 Bộ luật Hình sự)	78
Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng	85
9. Tội sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304 Bộ luật Hình sự)	85
10. Tội sử dụng trái phép vật liệu nổ (Điều 305 Bộ luật Hình sự)	91
11. Tội sử dụng trái phép súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ (Điều 306 Bộ luật Hình sự)	95
Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính	101
12. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật Hình sự)	101
13. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (Điều 341 Bộ luật Hình sự)	105
14. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép (Điều 347 Bộ luật Hình sự)	109

PHẦN III	
GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC	
VỀ NHẬN THỨC PHÁP LUẬT	
TRONG GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN LIÊN QUAN	
ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ	
I- Pháp luật hình sự	113
II- Pháp luật tố tụng hình sự	134
Phụ lục I	152
Phụ lục II	168

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH
TS. NGUYỄN ĐIỀU LINH

Trình bày bìa: LÊ HÀ LAN
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: TẠ THU THỦY
Đọc sách mẫu: ĐIỀU LINH

In 1.522 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Nhà in Sự thật.
Địa chỉ: Số 201 Đường Cầu Diễn, tổ dân phố 15, Phúc Diễn - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.
Số đăng ký xuất bản: 2171-2022/CXBIPH/8-98/CTQG.
Quyết định xuất bản: 1478-QĐ/NXBCTQG, ngày 19/7/2022.
ISBN: 978-604-57-7854-8.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2022